

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI



NGÔ THỊ HỒNG HẠNH

**ĐIỀU KIỆN KINH DOANH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP
KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số : 8.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Văn Cương

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Những kết luận khoa học của Luận văn là kết quả quá trình tìm tòi nghiên cứu!

Người cam đoan

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG.....	6
1.1. Khái niệm kinh doanh, điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp, giống cây trồng.....	6
1.2. Pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng	11
1.3. Vai trò pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng	18
1.4. Quy định về điều kiện kinh doanh của một số quốc gia	19
1.5. Các quy định về quản lý giống cây trồng của một số quốc gia khác trên thế giới	24
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	37
2.1. Quy định về điều kiện kinh doanh giống cây trồng	37
2.2. Quản lý chất lượng giống cây trồng	43
2.3. Nội dung các điều kiện kinh doanh giống cây trồng	47
2.4. Một số nhận xét, đánh giá	56
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG TẠI VIỆT NAM ...	62
3.1. Quan điểm và yêu cầu hoàn thiện pháp luật về kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam.....	62
3.2. Đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam.....	67
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	76
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Ý nghĩa
DN	Doanh nghiệp
GPKD	Giấy phép kinh doanh
QPPL	Quy phạm pháp luật
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
PTNT	Phát triển nông thôn

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1. 1: Quy trình thẩm định và xét duyệt bảo hộ giống cây trồng của Thái Lan

Sơ đồ 1. 2: Quy trình đăng ký giống của Indônêxia

Bảng 2. 1: Số lượng điều kiện kinh doanh phân theo Bộ, ngành

Bảng 2. 2: Điều kiện kinh doanh phân theo nội dung

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trồng trọt giữ vai trò quan trọng trong nông nghiệp, thu hút sự tham gia của gần 70% nguồn lực lao động xã hội. Sau hơn 30 năm đổi mới, lĩnh vực trồng trọt đã có những bước phát triển quan trọng, góp phần đưa nước ta từ nước thiếu ăn, phải nhập khẩu lương thực trở thành nước xuất khẩu nông sản được thế giới đánh giá cao. Lĩnh vực trồng trọt hiện đóng góp 71,5% giá trị gia tăng và xấp xỉ 50% kim ngạch xuất khẩu của ngành nông nghiệp, góp phần xoá đói, giảm nghèo, tạo ra nhiều việc làm cho người dân, từ đó góp phần đảm bảo an ninh lương thực và ổn định chính trị, xã hội ở nước ta.

Lĩnh vực trồng trọt tiếp tục phát triển theo hướng hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; một số mặt hàng xuất khẩu chiếm vị thế cao trên thị trường thế giới. Năm 2015, kim ngạch xuất khẩu nông sản thuộc lĩnh vực trồng trọt đạt 14,2 tỷ USD, năm 2016 đạt 15,1 tỷ USD trong tổng số 32,1 tỷ USD giá trị xuất khẩu của toàn ngành nông nghiệp. Trong số 10 mặt hàng xuất khẩu chủ lực (trên 1 tỷ USD) của toàn ngành có 7 mặt hàng từ trồng trọt là lúa, cà phê, điều, rau quả, cao su, sắn và hồ tiêu.

Đối với hoạt động trồng trọt ở nước ta, các cụ xưa vẫn thường có câu: *"nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống"* để khẳng định vai trò vô cùng quan trọng của giống cây trồng trong sản xuất nông nghiệp. Sự phát triển của khoa học công nghệ đặc biệt là giống mới, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp góp phần tăng năng suất và giá trị sản phẩm. Trong lĩnh vực giống cây trồng, đã chọn tạo được nhiều giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao. Đây là yếu tố quan trọng để tạo ra 45 triệu tấn lương thực mỗi năm và nhiều sản phẩm hàng hóa quan trọng khác. Tỷ lệ các giống chất lượng cao ngày càng được cải thiện, nhiều giống lúa, giống ngô, giống cà phê của Việt Nam đã có năng suất, chất lượng vượt trội so với các nước trên thế giới.

Những thành tựu vượt bậc của ngành trồng trọt trong thời gian gian qua, có đóng góp từ sự thay đổi về chính sách ruộng đất và chuyển hướng từ nền sản xuất tập trung sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự thay đổi chính sách của nhà nước đã thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nói chung và sản xuất trồng trọt nói riêng. Chính sách, pháp luật được ban hành trong thời gian qua đã thúc đẩy sản xuất, thu hút đầu tư, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, như: Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004; Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2001 (nay là Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013). Ngoài ra, những chính sách, pháp luật có liên quan có sự tác động mạnh mẽ đến sản xuất trồng trọt như các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, đầu tư, khoa học công nghệ, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch, chính sách về dòn điền, đổi thửa xây dựng cánh đồng lớn...

Tuy nhiên, thực tế Việt Nam đang phải nhập một lượng lớn giống cây trồng từ nước ngoài. Chỉ tính riêng năm 2016 Việt Nam đã nhập khẩu gần 150 nghìn tấn giống cây trồng, trong đó có hơn 7.000 tấn giống lúa, còn lại là các giống cỏ, ngô, rau, hoa và dưa hấu... Đồng thời, hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến quản lý giống cây trồng đến nay đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn. Hơn nữa, những bối cảnh mới trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội trong nước cũng đang tác động rõ rệt đến hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất trồng trọt nói riêng, đòi hỏi có sự thay đổi quy định cho phù hợp để thúc đẩy sản xuất, cải thiện đời sống của người dân.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu đề tài "***Điều kiện kinh doanh đối với doanh nghiệp kinh doanh giống cây trồng theo pháp luật Việt Nam***" là cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Điều kiện kinh doanh, giống cây trồng chưa được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu nhưng chủ đề điều kiện kinh doanh nói chung cũng đã được nhiều chuyên gia, nhà khoa học quan tâm.

- *“Pháp luật về Giấy phép kinh doanh tại Việt Nam”* - thực trạng và giải pháp hoàn thiện, của Trần Phương Nam.

- *“Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam thực trạng và phương hướng hoàn thiện”* Luận văn Ths Luật của Trần Tố Uyên (Khoa Luật, năm 2005)

- *“Nghiên cứu so sánh pháp luật về thành lập doanh nghiệp”* Luận văn Ths Luật của Nguyễn Thị Phương Thảo (Khoa Luật, năm 2010)

- *“Pháp luật Việt Nam về góp vốn thành lập doanh nghiệp”* Luận văn Ths Luật của Nguyễn Thị Thu Hà (Khoa Luật, năm 2013)

- *“Nghiên cứu chọn, tạo giống có năng suất và chất lượng cao cho một số loài cây trồng rừng chủ yếu”* của Hà Huy Thịnh (Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, năm 2015)

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Luận văn được thực hiện để làm rõ những khía cạnh lý luận và thực tiễn của việc quy định điều kiện kinh doanh giống cây trồng ở nước ta hiện nay đồng thời đề xuất được những giải pháp có tính khả thi để hoàn thiện quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ

Để thực hiện mục đích trên, luận văn có nhiệm vụ sau:

- Đánh giá hiện trạng pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng ở Việt Nam, chỉ rõ thành tựu và những tồn tại, hạn chế.

- Đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng ở Việt Nam trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến điều kiện kinh doanh giống cây trồng do các cơ quan trung ương ban hành (Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ v.v.) và thực tiễn áp dụng.

Luận văn nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương quy định về quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng và thực tiễn áp dụng các quy định này.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết những vấn đề đặt ra, luận văn đã sử dụng phương pháp nghiên cứu như:

- Phương pháp thu thập số liệu, thông tin: Đề tài sử dụng số liệu thứ cấp để nghiên cứu, bao gồm các văn bản QPPL đang còn hiệu lực, các tài liệu xuất bản phát hành được sưu tầm và các báo cáo của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng để nghiên cứu một cách có chọn lọc và hệ thống.

- Phương pháp phân tích: Dựa trên kết quả thu được từ phương pháp thu thập số liệu, thông tin, tiến hành nghiên cứu, phân tích, đánh giá những nội dung có liên quan đến pháp luật về sản xuất, kinh doanh giống cây trồng để từ đó đề xuất kiến nghị, giải pháp.

- Phương pháp chuyên gia: Tham khảo ý kiến của các chuyên gia pháp lý, các nhà khoa học, các nhà quản lý về những nội dung đề tài cần nghiên cứu.

Ngoài ra còn sử dụng các phương pháp: so sánh, quy nạp, diễn dịch, thống kê.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình hoàn thiện pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng.

Kết quả nghiên cứu của luận văn còn làm tài liệu tham khảo cho quá trình xây dựng Luật Trồng trọt (thay thế cho Pháp lệnh Giống cây trồng) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mục lục, danh mục các chữ viết tắt, danh mục các bảng biểu, mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 03 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về điều kiện kinh doanh giống cây trồng

Chương 2: Thực trạng pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng ở Việt Nam hiện nay

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng ở Việt Nam

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG

1.1. Khái niệm kinh doanh, điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp, giống cây trồng

Kinh doanh là phương thức hoạt động kinh tế trong nền kinh tế hàng hoá, bao gồm tổng thể những phương pháp, hình thức và phương tiện mà chủ thể kinh tế sử dụng để thực hiện các hoạt động kinh tế của mình (bao gồm quá trình đầu tư, sản xuất, vận tải, thương mại, dịch vụ...) trên cơ sở vận dụng quy luật giá trị cùng với các quy luật khác, nhằm đạt mục tiêu vốn sinh lời cao nhất. Từ thuật ngữ này, khoản 16 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 chính thức luật hóa để thống nhất cách hiểu về kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

Đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư (khoản 5 Điều 3 Luật Doanh nghiệp năm 2014). Nhà nước cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh sau đây: Kinh doanh các chất ma túy theo quy định tại Phụ lục 1 của Luật Đầu tư năm 2014; Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục 2 của Luật Đầu tư năm 2014; Kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã theo quy định tại Phụ lục 1 của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp; mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm I có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục 3 của Luật Đầu tư năm 2014; Kinh doanh mại dâm; Mua, bán người, mô, bộ phận cơ thể người; Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người (khoản 1 Điều 6)[13].

Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh [14].

Trong quá trình kinh doanh, doanh nghiệp có các quyền như: Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm; Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn; Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng; Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu; Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh; Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp; Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật; Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật; Quyền khác theo quy định của luật có liên quan. Đồng thời với các quyền kể trên, doanh nghiệp cũng phải thực hiện các nghĩa vụ như: Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh; Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê; Kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật; Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay

đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó; Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử-văn hóa và danh lam thắng cảnh; Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.

Điều kiện kinh doanh là yêu cầu mà doanh nghiệp phải có hoặc phải thực hiện khi kinh doanh ngành, nghề cụ thể, được thể hiện bằng giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, yêu cầu về vốn pháp định hoặc yêu cầu khác. Lần đầu tiên, các quy định liên quan đến ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh đã được quy định thống nhất và ở cấp văn bản cao nhất tại Điều 7, Điều 8 Luật Đầu tư. Cụ thể:

“1. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

2. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục 4 của Luật này.

3. Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều này được quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không được ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh.

4. Điều kiện đầu tư kinh doanh phải được quy định phù hợp với mục tiêu quy định tại khoản 1 Điều này và phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ của nhà đầu tư.

5. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đó phải được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

6. Chính phủ quy định chi tiết việc công bố và kiểm soát điều kiện đầu tư kinh doanh.

Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ rà soát các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Điều 7 của Luật này theo thủ tục rút gọn”.[13]

Khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2014 đã hiện thực hóa một cách đầy đủ quyền tự do kinh doanh theo nguyên tắc Hiến định là người dân được tự do kinh doanh những ngành, nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tuy nhiên, “tự do” ở đây không được hiểu theo nghĩa doanh nghiệp (trong và ngoài nước) có thể kinh doanh bất cứ ngành nghề nào mà không gặp "rào cản" gì khác. Luật Đầu tư 2014 quy định 267 ngành, nghề không thuộc danh mục cấm đầu tư, kinh doanh nhưng lại có điều kiện. Mặt khác, nhà đầu tư nước ngoài còn bị hạn chế kinh doanh trong một số lĩnh vực. (Theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư, để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài còn phải đáp ứng các điều kiện được áp dụng dưới các hình thức gồm: Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế; hình thức đầu tư; phạm vi hoạt động đầu tư kinh doanh; đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư; điều kiện khác theo quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Những điều kiện này cũng được áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua lại phần vốn góp, cổ phần của tổ chức kinh tế theo quy định tại các Điều 24, 25, 26 Luật Đầu tư.

Doanh nghiệp luôn phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và phải bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư, kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Ví dụ, với ngành, nghề kinh doanh bất động sản, Luật Doanh nghiệp 2014 không yêu cầu doanh nghiệp phải có xác nhận vốn pháp định khi thành lập doanh nghiệp như trước, nhưng khi doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề này đương nhiên phải đủ vốn pháp định là 20 tỷ đồng theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13. Tương tự như vậy, có rất nhiều điều kiện kinh doanh mà doanh nghiệp bắt buộc phải có thì mới được kinh doanh như khám chữa bệnh, mua bán dược phẩm, nhóm ngành, nghề về thiết kế, giám sát, khảo sát, quy hoạch xây dựng, nhóm ngành, nghề về môi giới như môi giới lao động, việc làm, môi giới bất động sản .v.v.

Việc chủ động tìm hiểu và chấp hành các quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh là nghĩa vụ của doanh nghiệp. Nhà nước phải quy định rõ ràng và phải hỗ trợ pháp lý đến mức cao nhất để doanh nghiệp có thể tìm hiểu được ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh, nhưng doanh nghiệp có nghĩa vụ phải tìm hiểu và nghiêm túc chấp hành. Luật Đầu tư 2014 quy định: “ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đó phải được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia”.

Thuật ngữ giống (tiếng Latin: *varietas*; tiếng Anh: *variety*) dùng để chỉ một quần thể các sinh vật cùng loài do con người chọn tạo ra và có các đặc điểm di truyền xác định. Tất cả các cá thể của cùng một giống đều có các tính trạng hay thường được gọi là các đặc tính về hình thái-giải phẫu, sinh lý-sinh hoá, năng suất v.v. hầu như giống nhau và ổn định trong những điều kiện sinh thái và

kỹ thuật sản xuất phù hợp. Từ khái niệm về giống như trên, ta có thể hình dung giống cây trồng (crop variety; cultivar) là một nhóm các thực vật có các đặc trưng sau: Có nguồn gốc chung với các tính trạng hay đặc điểm giống nhau; Mang tính di truyền đồng nhất (nghĩa là có sự ổn định, ít phân ly) về các tính trạng hình thái và một số đặc tính nông sinh học khác như: chiều cao cây, thời gian sinh trưởng, khả năng chống chịu sâu bệnh...; Mang tính khu vực hoá, nghĩa là tất cả các đặc điểm hay tính trạng của giống được biểu hiện trong những điều kiện ngoại cảnh (như đất đai, khí hậu, các biện pháp kỹ thuật sản xuất) nhất định. Từ đây xuất hiện các khái niệm về giống chịu hạn, chịu mặn, chịu úng ...; Do con người tạo ra nhằm thoả mãn một hoặc một vài nhu cầu và thị hiếu nhất định, như: năng suất cao, chất lượng tốt, giá trị thương phẩm cao.... Các giống vật nuôi và cây trồng vì vậy được xem là những phương tiện sống của một nền sản xuất nông nghiệp [26].

Giống cây trồng là một quần thể cây trồng đồng nhất về hình thái và có giá trị kinh tế nhất định, nhận biết được bằng sự biểu hiện của các đặc tính do kiểu gen quy định và phân biệt được với bất kỳ quần thể cây trồng nào khác thông qua sự biểu hiện của ít nhất một đặc tính và di truyền được cho đời sau.

Giống cây trồng được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản bao gồm hạt, củ, quả, rễ, thân, cành, lá, cây con, mắt ghép, chồi, hoa, mô, tế bào, bào tử, sợi nấm, rong, tảo và vi tảo [15].

Từ các khái niệm trên, *điều kiện kinh doanh giống cây trồng* được hiểu là khi tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh có liên quan đến giống cây trồng phải đáp ứng những điều kiện nhất định. Những điều kiện này tuy không trực tiếp nhưng gián tiếp đảm bảo sức khỏe cộng đồng.

1.2. Pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng

Điều 36 Pháp lệnh 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 03 năm 2004 về giống cây trồng quy định điều kiện đối với sản xuất, kinh doanh giống cây trồng như sau:

* Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng chính với mục đích thương mại phải có đủ các điều kiện sau đây:

- (1) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống cây trồng;
- (2) Có địa điểm sản xuất giống cây trồng phù hợp với quy hoạch của ngành Nông nghiệp, ngành Thủy sản và phù hợp với yêu cầu sản xuất của từng loại giống, từng cấp giống; bảo đảm tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và pháp luật về thủy sản;
- (3) Có cơ sở vật chất và trang, thiết bị kỹ thuật phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất từng loại giống, từng cấp giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản ban hành;
- (4) Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đã được đào tạo về kỹ thuật trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ thực vật.

* Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng chính phải có đủ các điều kiện sau đây:

- (1) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó có mặt hàng về giống cây trồng; Có địa điểm kinh doanh và cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với việc kinh doanh từng loại giống, từng cấp giống;
- (2) Có nhân viên kỹ thuật đủ năng lực nhận biết loại giống kinh doanh và nắm vững kỹ thuật bảo quản giống cây trồng;
- (3) Có hoặc thuê nhân viên kiểm nghiệm, thiết bị kiểm nghiệm chất lượng các loại giống kinh doanh.

* Hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng chính mà không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh thì không phải thực hiện quy định như trên nhưng phải bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về thủy sản.

Từ quy định này, quan hệ pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng có thể được phân tích dưới các góc độ liên quan đến: chủ thể, khách thể và nội dung điều kiện kinh doanh giống cây trồng.

1.2.1. Chủ thể tham gia quan hệ pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng

Cá nhân, tổ chức đáp ứng được những điều kiện do Nhà nước quy định cho mỗi loại quan hệ pháp luật và tham gia vào quan hệ pháp luật đó thì được gọi là chủ thể của quan hệ pháp luật [20, tr.450].

Từ Điều 36 Pháp lệnh giống cây trồng, có thể thấy, các loại chủ thể tham gia quan hệ pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng: gồm cá nhân, tổ chức sản xuất giống cây trồng; tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng và hộ gia đình có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Đối với tổ chức, theo quy định của Bộ luật dân sự 2015, một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây: Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan; Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật dân sự 2015; Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Pháp nhân gồm có pháp nhân thương mại và pháp nhân phi thương mại. Pháp nhân thương mại là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên. Pháp nhân thương mại bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác. Pháp nhân phi thương mại là pháp nhân không có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận; nếu có lợi nhuận thì cũng không được phân chia cho các thành viên. Pháp nhân phi thương mại bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, doanh nghiệp xã hội và các tổ chức phi thương mại khác.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn này, có thể loại trừ pháp nhân phi thương mại không thuộc chủ thể của quan hệ pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng, vì không thấy mục đích kinh doanh, sinh lời.

Như vậy, chủ thể là tổ chức mà Pháp lệnh giống cây trồng đề cập gồm: doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác. Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 gồm những loại hình như: doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty hợp danh... Tổ chức kinh tế khác như: Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã; các tổ chức kinh tế thành lập theo luật đầu tư.

Đối với cá nhân: Bao gồm công dân Việt Nam, người nước ngoài, người không có quốc tịch, trong đó công dân Việt Nam là chủ thể phổ biến của hầu hết các quan hệ pháp luật. Cá nhân muốn trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi.

Kết quả rà soát sơ bộ đến nay cho thấy trong danh mục 267 ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, có 72 ngành, nghề pháp luật Việt Nam đã qui định về điều kiện kinh doanh chung và điều kiện đầu tư với nhà đầu tư nước ngoài; 46 ngành nghề điều ước quốc tế đã quy định điều kiện đầu tư với nhà đầu tư nước ngoài; 128 ngành nghề chưa qui định điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài; và 21 ngành nghề chưa có quy định cả về điều kiện kinh doanh chung và điều kiện đầu tư với nhà đầu tư nước ngoài. Ví dụ, danh mục 128 ngành nghề chưa qui định điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài gồm các ngành kinh doanh dịch vụ cầm đồ, kinh doanh dịch vụ giám định thương mại, kinh doanh bán hàng miễn thuế, hành nghề quản tài viên, kinh doanh casino, xuất khẩu gạo, kinh doanh dịch vụ xoa bóp...)

Đối với hộ gia đình: Là tập hợp những người gắn bó với nhau do quan hệ huyết thống hoặc hôn nhân, có tài sản chung và thực hiện các hoạt động kinh tế chung. Cũng như pháp nhân, hộ gia đình có năng lực pháp luật và năng lực hành vi phù hợp với mục đích tồn tại của mình. Song nội dung năng lực pháp luật của

hộ gia đình được xác định theo những nguyên tắc gần giống với những nguyên tắc xác định năng lực pháp luật của cá nhân; bởi vậy, hộ gia đình, trên nguyên tắc, có khả năng có quyền và nghĩa vụ như cá nhân, trừ những quyền và nghĩa vụ mà chỉ cá nhân mới có thể có được, như quyền thừa kế theo pháp luật, quyền kết hôn, quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con cái,...

Trường hợp hộ gia đình tham gia quan hệ pháp luật liên quan đến điều kiện kinh doanh giống cây trồng thì các thành viên của hộ gia đình là chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật nêu trên hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. (theo Điều 101 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Khi thực hiện việc sản xuất, kinh doanh, cá nhân, hộ gia đình phải đăng ký kinh doanh trừ những trường hợp không phải đăng ký kinh doanh. Theo Nghị định 39/2007/NĐ-CP của Chính phủ, những đối tượng không phải đăng ký kinh doanh gồm: Những người buôn bán rong (buôn bán dạo); Những người buôn bán vật: mua bán vật dụng nhỏ lẻ có hay không có địa điểm cố định; Những người bán quà vật: mua bán bánh, đồ ăn, thức uống có hay không có địa điểm cố định; Những người buôn chuyên: mua hàng hóa ở nơi khác về theo chuyến để bán cho người mua buôn hoặc người bán lẻ; Những người thực hiện các dịch vụ: đánh giày, bán vé số, chữa khóa, sửa chữa xe, trông giữ xe, rửa xe, cắt tóc, vẽ tranh, chụp ảnh và các dịch vụ khác có hoặc không có địa điểm cố định. Theo đó, hộ gia đình, cá nhân không thuộc nhóm không phải đăng ký kinh doanh theo nội dung nêu trên sẽ phải đăng ký kinh doanh. Cụ thể: đối với hộ gia đình sử dụng thường xuyên dưới 10 lao động, trường hợp sử dụng thường xuyên từ 10 lao động trở lên phải đăng ký kinh doanh với hình thức doanh nghiệp.

1.2.2. Khách thể trong quan hệ pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng

Khách thể quan hệ pháp luật là những lợi ích vật chất, tinh thần và những lợi ích xã hội khác có thể thỏa mãn những nhu cầu, đòi hỏi của tổ chức, cá nhân

mà vì chúng các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật, nghĩa là vì chúng mà họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ chủ thể của mình [20, tr. 457].

Như vậy, khách thể quan hệ pháp luật là những lợi ích mà các bên tham gia quan hệ pháp luật mong muốn đạt được khi tham gia quan hệ pháp luật. Khách thể là yếu tố thúc đẩy chủ thể tham gia quan hệ pháp luật. Khách thể trong quan hệ pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng là giống cây trồng, gồm giống cây nông nghiệp, giống cây lâm nghiệp và giống thực vật thủy sinh. Pháp lệnh Giống cây trồng chỉ quy định điều kiện đối với giống cây trồng chính (gồm: lúa, lạc, ngô, đậu tương) vì đây là những giống cây trồng chủ đạo liên quan đến an ninh lương thực quốc gia. Hơn nữa, giống cây trồng ở nước ta khá đa dạng, nên nếu đặt vấn đề quản lý tất cả các loại giống cây trồng là không khả thi. Khoản 21 Điều 3 Pháp lệnh định nghĩa *Giống cây trồng chính* là giống của những loài cây trồng được trồng phổ biến, có số lượng lớn, có giá trị kinh tế cao cần được quản lý chặt chẽ. Danh mục giống cây nông nghiệp chính được quy định tại Quyết định 58/2004/QĐ-BNN ngày 04/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; danh mục giống cây lâm nghiệp chính được quy định tại Thông tư 44/2015/TT-BNNPTNT; giống thực vật thủy sinh chưa có danh mục và Luật Thủy sản cũng không đề cập đến quy định này.

Như vậy, điều kiện kinh doanh giống cây trồng chỉ tập trung vào đối tượng là giống cây trồng chính và điều kiện có khác nhau giữa tổ chức, cá nhân sản xuất với tổ chức, cá nhân kinh doanh.

1.2.3. Nội dung điều kiện kinh doanh giống cây trồng

Hiện nay, cả nước có 652 tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng được các tỉnh, thành phố cấp mã số với 834 giống trong Danh mục giống cây trồng nông nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Lượng giống lúa sản xuất trong nước đã đáp ứng được trên 80%, nhưng giống ngô mới đáp ứng được 40%, còn lại phải nhập từ nước ngoài [18]. Hệ thống sản xuất, kinh doanh, phân phối giống cây trồng được hình thành rộng khắp trên cả nước. Do đó, nếu không

có phương thức quản lý tốt đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng sẽ dẫn đến tình trạng giống giả, giống kém chất lượng vẫn được sản xuất, lưu thông và sử dụng gây thiệt hại cho người nông dân nói riêng, cho sản xuất nông nghiệp nói chung cũng như dẫn tới nhiều khả năng gây mất an ninh lương thực cho Quốc gia. Như đã đề cập ở phần trên, Nhà nước đề ra 3 phương thức để quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân, bao gồm: cấm kinh doanh (những mặt hàng, ngành nghề thuộc Phụ lục I của Luật đầu tư), kinh doanh có điều kiện (với 243 ngành nghề kinh doanh có điều kiện), tự do kinh doanh (ngoài những ngành nghề và mặt hàng thuộc hai phương thức trên). Do giống cây trồng không nằm trong danh mục mặt hàng, ngành nghề cấm sản xuất, kinh doanh, nên chỉ đặt ra khả năng lựa chọn phương thức hoặc để là mặt hàng và ngành nghề tự do kinh doanh hoặc là ngành nghề và mặt hàng kinh doanh có điều kiện. Đây còn là mặt hàng có khả năng gây mất an toàn (đối với hoạt động sản xuất của bà con nông dân nếu như mua phải giống giả, giống kém chất lượng), đòi hỏi phải kiểm soát chặt chẽ về chất lượng trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Điều này đã được kiểm chứng qua bao đời nay với câu thành ngữ nổi tiếng “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống” gắn liền với nền văn minh lúa nước của dân tộc ta. Với mục tiêu cuối cùng của công tác quản lý giống cây trồng vẫn là cung cấp giống cây trồng chất lượng cao cho người nông dân, do đó, Nhà nước vẫn lựa chọn phương thức quản lý đối với giống cây trồng là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Pháp lệnh giống cây trồng phân loại thành 3 điều kiện áp dụng với 3 chủ thể khác nhau, gồm: Tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng chính; Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng chính; Hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng chính. Mặc dù phân thành ba đối tượng nhưng tựu chung lại, các điều kiện kinh doanh giống cây trồng tập trung ở những điều kiện chính sau:

(1) Điều kiện về năng lực sản xuất (như chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống cây trồng, đối với tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng chính);

(2) Điều kiện về nhân lực (như có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đã được đào tạo về kỹ thuật trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ thực vật; có nhân viên kỹ thuật đủ năng lực nhận biết loại giống kinh doanh và nắm vững kỹ thuật bảo quản giống cây trồng; có hoặc thuê nhân viên kiểm nghiệm, thiết bị kiểm nghiệm chất lượng các loại giống kinh doanh);

(3) Điều kiện về địa điểm; điều kiện về quy hoạch (như có địa điểm sản xuất giống cây trồng phù hợp với quy hoạch của ngành nông nghiệp, ngành thủy sản và phù hợp với yêu cầu sản xuất của từng loại giống, từng cấp giống;

(4) Điều kiện về bảo đảm tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và pháp luật về thủy sản).

(5) Yêu cầu kỹ thuật (các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) là căn cứ để đánh giá về chất lượng giống.

1.3. Vai trò pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng

Quản lý nhà nước bằng pháp luật là một nguyên tắc quan trọng được quy định trong Hiến pháp Việt Nam - đạo luật cơ bản của Nhà nước và đã được thực thi trong thực tế. Nguyên tắc này đòi hỏi phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh. Pháp luật với những đặc trưng của nó, mang tính quyền lực nhà nước và bắt buộc mọi đối tượng phải thực hiện đã trở thành công cụ hữu hiệu trong quản lý nhà nước.

Để hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng đi đúng hướng nhằm đảm bảo an toàn, kiểm soát được chất lượng, tạo ra những giống tốt cho người nông dân nói riêng và cho sản xuất nông nghiệp nói chung, đồng thời góp phần bảo đảm an ninh lương thực thì hơn bao giờ hết cần công cụ pháp luật để điều chỉnh hợp lý.

Tựu chung lại, pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng có những vai trò, ý nghĩa sau:

Thứ nhất, pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng là một bộ phận của pháp luật về trồng trọt, có quan hệ biện chứng với hoạt động bảo đảm an ninh lương thực của quốc gia. Do đó, pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng chính là công cụ hỗ trợ cho Nhà nước trong công tác quản lý hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng tạo cơ sở pháp lý và có vai trò định hướng cho việc thực hiện các hoạt động sản xuất nông nghiệp đi đúng hướng.

Thứ ba, cùng với các quy định pháp luật khác trong hệ thống pháp luật về trồng trọt, pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng là công cụ, phương tiện để cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao chất lượng giống cây trồng cũng như đảm bảo an ninh lương thực của quốc gia.

1.4. Quy định về điều kiện kinh doanh của một số quốc gia

Điều kiện kinh doanh là những yêu cầu nhà nước đặt ra buộc các chủ thể kinh doanh phải đáp ứng được khi thực hiện kinh doanh trong những ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Đây được coi là công cụ quản lý nền kinh tế, là nội dung không thể thiếu ở mọi quốc gia trên thế giới. Mỗi quốc gia đều có những quy định cụ thể về điều kiện kinh doanh phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế và môi trường pháp lý riêng của quốc gia mình. Việc tìm hiểu pháp luật về điều kiện kinh doanh của các quốc gia trên thế giới là rất cần thiết để có thể rút ra bài học kinh nghiệm đáng quý trong quá trình xây dựng pháp luật về nội dung này ở Việt Nam.

Pháp luật về điều kiện kinh doanh ở Mỹ [7]

Mỹ là một quốc gia cộng hòa lập hiến liên bang, gồm có 50 bang và một đặc khu liên bang. Hệ thống pháp luật của Mỹ bao gồm hệ thống pháp luật liên bang, hệ thống pháp luật bang. Do đó, khi thực hiện hoạt động kinh doanh của quốc gia này, doanh nghiệp (DN) phải tuân thủ một loạt các quy định của địa phương, tiểu bang và của liên bang.

Pháp luật DN Mỹ cũng có những quy định về điều kiện kinh doanh gắn liền với loại hình DN hoặc một số loại ngành nghề nhất định. Đa số các nhà nghiên cứu đều đánh giá rằng, việc bắt đầu một DN ở Mỹ tương đối dễ dàng vì những quy định rất đơn giản, gọn nhẹ về thủ tục đăng ký kinh doanh. Bên cạnh hệ thống đăng ký kinh doanh, nhà nước thiết lập cơ chế xin giấy phép và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền rất rõ ràng và cụ thể để kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh của các DN.

Ở Mỹ có hai hệ thống cấp phép: Giấy phép và sự chấp thuận của Liên bang; Giấy phép và sự chấp thuận của tiểu bang. Hai hệ thống này song song tồn tại và chi phối đến hoạt động kinh doanh của DN. Đầu tiên bản thân DN đó phải đáp ứng được các yêu cầu để xin phép kinh doanh tại địa phương, tiểu bang – nơi mà DN có trụ sở. Nếu như DN đó kinh doanh lĩnh vực, ngành nghề có sự kiểm soát của liên bang thì DN chỉ được thực hiện hoạt động kinh doanh đó khi được chính quyền liên bang chấp thuận hoặc cấp giấy phép kinh doanh (GPKD). Có thể kể đến một số ngành nghề cơ bản ở Mỹ mà DN phải xin giấy phép của Liên bang như:

- Nếu DN nhập hoặc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, sinh học, công nghệ sinh học hoặc có nhà máy trên khắp các bang, họ sẽ phải xin giấy phép từ Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA).

- Các DN sản xuất, thỏa thuận và nhập khẩu vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ phải tuân thủ các yêu cầu cấp phép của Đạo Luật kiểm soát vũ khí. Đạo luật này được quản lý bởi Cục quản lý Rượu, thuốc lá, súng và chất nổ (ATF).

- DN tham gia vào bất kỳ hoạt động liên quan đến động vật hoang dã, bao gồm cả việc nhập khẩu/xuất khẩu động vật hoang dã và các sản phẩm phái sinh, phải một giấy phép từ cơ quan quản lý Động vật hoang dã Hoa Kỳ.

Còn nhiều ngành nghề khác mà khi thực hiện hoạt động kinh doanh DN phải xin phép cơ quan quản lý chuyên ngành liên bang như: khai thác thủy sản, phát thanh truyền hình, khai thác mỏ, kinh doanh vận tải hàng hải, giao thông vận

tải và hậu cần... Đây là những ngành nghề mà sức ảnh hưởng từ bản chất của hoạt động kinh doanh hay quy mô của DN không chỉ bó hẹp trong phạm vi một bang mà cần phải có sự kiểm soát của liên bang để đảm bảo an toàn và an ninh cho nền kinh tế.

Bên cạnh đó, mỗi địa phương, tiểu bang lại có quy định khác nhau về việc cấp giấy phép và cho phép kinh doanh đối với DN, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội và chính sách của các nhà cầm quyền. Có những địa phương đòi hỏi DN phải có giấy phép chung, có những nơi quy định giấy phép theo ngành nghề kinh doanh, có những nơi quy định giấy phép theo loại hình DN.

Ví dụ: Ở Columbia: Hầu hết các cá nhân và các công ty kinh doanh tại Quận Columbia phải có GPKD cơ bản của DCRA - Cơ quan quản lý chung của quận, đảm bảo phúc lợi sức khỏe, an toàn và kinh tế của người dân thông qua chương trình cấp phép, kiểm tra, tuân thủ và thực thi pháp luật. Ngoài ra, Sở Y tế (DHO) phát hành giấy phép chuyên ngành nhất định, Bộ Giao thông vận tải quận (DDOT) quy định không gian công cộng và Văn phòng Phân vùng (DCOZ) kiểm soát sử dụng đất.

Bên cạnh GPKD cấp cho DN, Mỹ cũng tồn tại cơ chế cấp phép cho cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh liên quan đến năng lực, chuyên môn của cá nhân này nhằm bảo đảm lợi ích công cộng. Rất nhiều ngành nghề ở Mỹ chịu sự kiểm soát của các cơ quan quản lý. Sự kiểm soát này thể hiện ở 3 hình thức:

- Cấp phép: Đây là cơ chế bắt buộc đối với một số ngành nghề, chỉ khi có được giấy phép hành nghề này thì cá nhân mới được phép hoạt động trên thực tế (nếu không có mà vẫn thực hiện hoạt động nghề nghiệp đồng nghĩa với việc đã vi phạm pháp luật). Để có được giấy phép hành nghề này, cá nhân đó phải đáp ứng những quy định, tiêu chuẩn của các cơ quan có thẩm quyền, ví dụ như: bác sỹ, luật sư, y tá.

- Cấp giấy chứng nhận: Việc cấp giấy chứng nhận được đặt ra khi hoạt động đó không có trong giới hạn của ngành nghề được cấp giấy phép, chủ thể

thực hiện có thể tự nguyện xin xác nhận là có chuyên môn liên quan đến lĩnh vực này từ các cơ quan có thẩm quyền mà nhà nước chỉ định. Ví dụ như: chứng nhận là nhà phân tích tài chính, chứng nhận bác sỹ có chuyên khoa hô hấp...

- Đăng ký: Các cơ quan có thẩm quyền sẽ lập một danh sách, cung cấp những điều kiện nhất định để được có tên trong danh sách này, sau đó các chủ thể có nhu cầu đăng ký tên và địa chỉ, trình độ với các cơ quan quản lý. Chỉ cần có khiếu nại của người tiêu dùng (khách hàng), hoặc việc thực hiện niêm yết công khai thông tin chưa đúng thì chủ thể đó có thể bị loại ra khỏi danh sách này. Điều đó đồng nghĩa với việc tiếp tục thực hiện kinh doanh sẽ là trái pháp luật.

Ngoài những điều kiện kinh doanh này, ở mỗi bang, tùy từng thời kỳ khác nhau, DN sẽ phải đáp ứng các điều kiện khác mà cơ quan quản lý đưa ra chẳng hạn như: chứng minh vốn pháp định (bang Delaware, bang NewYork), chứng minh khoản nợ của DN (ở Columbia)...

Pháp luật về điều kiện kinh doanh của Trung Quốc [9]

Tại Trung Quốc, các quy định về điều kiện kinh doanh được nhà nước này quan tâm rất sát sao, đưa ra nhiều quy định phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội tại các đạo Luật có hiệu lực cao như: Luật Công ty năm 2005, Luật Cấp phép kinh doanh năm 2004 và các đạo luật chuyên ngành khác. Nhìn chung các điều kiện kinh doanh ở Trung Quốc cũng thể hiện ở hình thức văn bản chấp thuận hay điều kiện kinh doanh không cần văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền. DN tại Trung Quốc phải đáp ứng những điều kiện kinh doanh cả trước khi đăng ký thành lập DN và cả sau khi DN đi vào hoạt động. Khi thực hiện đăng ký thành lập DN, chủ thể kinh doanh phải xin chấp thuận của cơ quan nhà nước về:

- Tên của DN: Theo quy định của pháp luật Trung Quốc, bước đầu tiên để bắt đầu một DN ở quốc gia này là việc chọn tên cho DN. Chủ thể kinh doanh phải nộp đơn xin chấp thuận của Cục quản lý Công nghiệp và Thương mại địa phương (AIC) về tên DN. Chỉ khi được cơ quan này có văn bản chấp nhận tên DN thì chủ thể kinh doanh đó mới được tiến hành các hành vi đăng ký kinh doanh tiếp theo.

- Vốn pháp định: Pháp luật Trung Quốc yêu cầu DN muốn được khai sinh và công nhận sự ra đời một cách hợp pháp thì phải đáp ứng yêu cầu về vốn tối thiểu theo từng loại hình công ty. Theo Luật Công ty năm 2005 của Trung Quốc, để thành lập một công ty TNHH 1 thành viên, DN phải có ít nhất 100.000 nhân dân tệ, để thành lập công ty TNHH 2 thành viên trở lên, DN phải có ít nhất 30.000 nhân dân tệ và thành lập công ty cổ phần DN phải có ít nhất 5.000.000 nhân dân tệ.

Theo quy định này, DN sau khi được sự chấp thuận của AIC về tên DN, sẽ chủ động mở tài khoản ngân hàng, nộp tiền góp vốn ban đầu vào tài khoản đó và yêu cầu ngân hàng xác nhận. Nếu việc góp vốn ban đầu không bằng tiền mặt, mà bằng tài sản thì chủ thể góp vốn phải thực hiện chuyển quyền sở hữu tài sản cho công ty và giá trị tài sản phải được thẩm định một cách hợp pháp. Trong một số trường hợp DN phải có báo cáo thẩm tra vốn từ cơ quan kiểm toán. Đây là tài liệu không thể thiếu trong hồ sơ đăng ký DN. Vốn pháp định ở Trung Quốc không nhất thiết phải góp đủ ở thời điểm đăng ký DN mà có thời gian tối đa để thực hiện việc góp vốn này.

Khi thực hiện hoạt động kinh doanh, DN trong một số trường hợp nhất định phải xin phép hoạt động với cơ quan chuyên ngành quản lý lĩnh vực mà DN đó kinh doanh. Đầu tiên phải kể đến hệ thống cấp phép, bao gồm:

- GPKD tạm thời: Đây là giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời gian DN chờ đợi góp đầy đủ vốn pháp định. Vốn pháp định được góp đầy đủ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, khi DN đã đủ vốn pháp định, thời gian ở GPKD sẽ được điều chỉnh theo thời gian hoạt động thực tế của DN.

- GPKD bắt buộc: Đây là yêu cầu bắt buộc phải có ở Trung Quốc gắn liền với một số ngành nghề nhất định như: xuất nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh thuốc, khám chữa bệnh... Thông thường mục đích của việc cấp GPKD là để chứng nhận DN được thành lập hợp pháp, quy định thời gian được phép kinh doanh, phạm vi kinh doanh của DN. Theo đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu,

việc cấp GPKD ở Trung Quốc rất phức tạp, cần đáp ứng rất nhiều yêu cầu và đối với các nhà đầu tư nước ngoài việc cấp phép kinh doanh sẽ khó khăn hơn nhà đầu tư trong nước. Ngoài ra, khi thực hiện hoạt động kinh doanh, DN ở Trung Quốc còn phải thông qua nhiều sự chấp thuận khác của cơ quan có thẩm quyền.

1.5. Các quy định về quản lý giống cây trồng của một số quốc gia khác trên thế giới

Theo Ngân hàng Thế giới, Chi Lê, Đan Mạch, Kenya, Mozambique và Philippin là những nước thực hiện tốt việc đăng ký hạt giống, phát triển và chứng nhận giống. Ở những nước này, luật về hạt giống được đưa ra, bao gồm những điều khoản cho phép Ủy ban công bố giống (VRC) được hoạt động linh hoạt, đồng thời tăng cường tính minh bạch và hiệu quả của các hoạt động đăng ký và chứng nhận giống. Tuy nhiên, vẫn có một số điểm hạn chế cần được cải thiện. Ví dụ như tại Chi Lê, Đan Mạch và Philippin, danh sách hạt giống đã đăng ký không cung cấp thông tin về các vùng sản xuất nông nghiệp. Tại Kenya, không có một biểu phí chính thức cho việc chứng nhận các giống cây trồng. Còn tại Mozambique, danh mục đăng ký giống chưa được đăng tải online và cập nhật thông tin một cách thường xuyên theo mùa vụ của nước này.

Campuchia, Chi Lê, Colombia, Georgia, Hy Lạp, Jordan, Kenya, Morocco, Mozambique, Philippin, Ba Lan, Tây Ban Nha và Sudan là những nước có sự liên kết giữa khu vực tư nhân và khu vực chính phủ trong hoạt động nghiên cứu và lai tạo các giống mới. Có nhiều dạng liên kết giữa khu vực tư nhân và khu vực chính phủ trong hoạt động này từ việc sản xuất giống và phát triển giống của khu vực chính phủ để cung cấp cho khu vực tư nhân tới việc cấp giấy phép sử dụng giống địa phương cho khu vực tư nhân để thương mại giống trên thị trường. Các chính sách cho phép khu vực tư nhân tiếp cận với nguồn nguyên liệu di truyền được lưu trữ trong ngân hàng gen quốc gia cũng hỗ trợ sự hợp tác hiệu quả giữa khu vực tư nhân và khu vực chính phủ. Như vậy, các doanh nghiệp lai tạo giống tư nhân có được các nguồn giống mới tốt và khu vực

chính phủ thì có thể bảo tồn được các giống tốt cũng như hưởng lợi từ nhiều nguồn tốt hơn cho hoạt động lai tạo giống. Bên cạnh đó, một số quốc gia như Myanmar, Nga, Tanzania, Ukraina và Zambia lại có những chính sách ngăn cản khu vực tư nhân nhập khẩu các nguyên liệu để nghiên cứu, phát triển giống mới mà không có sự giám sát của chính phủ. Bolivia, Bosnia & Herzegovina, và Đan Mạch không có hệ thống cấp giấy phép giống địa phương cho các doanh nghiệp tư nhân để sản xuất và buôn bán trên thị trường trong nước. Điều này thường cản trở thương mại giống bởi tại các viện nghiên cứu của chính phủ và các trường đại học, giống thường chỉ phát triển trong phòng thí nghiệm hơn là được sử dụng để gieo trồng trong thực tế.

Trước khi một loại giống mới được công bố thì cần phải trải qua hai bước kiểm tra là (i) Tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định; (ii) giá trị gieo trồng và sử dụng của các giống mới. Ở mỗi nhóm nước, các nước có thu nhập cao có chi phí đăng ký thấp nhất, đặc biệt, Nga cho đăng ký miễn phí với 5 loại giống mới trong một năm. Hầu hết các nước đều có cơ quan thẩm định và công nhận giống. Tại Bangladesh, Guatemala và Philippin không yêu cầu phải đăng ký đối với giống cây lương thực. Thực tế, tại một số nước, cơ quan thẩm định và công nhận giống gồm có các đại diện của khu vực tư nhân trong quá trình công nhận và đăng ký giống. Tuy nhiên, Colombia, Ethiopia, Jordan, Lào, Myanmar và Ukraine là những nước mà cơ quan thẩm định và công nhận giống mới không có đại diện của khu vực tư nhân.

Khi công bố, các thông tin liên quan đến các loại giống mới nên dễ tiếp cận, đáng tin cậy và hữu ích. Một số nước có danh mục các loại giống được công bố online như Bangladesh, Bolivia, Burkina Faso, Ethiopia, Georgia, Jordan, Kenya, Cộng hòa Kyrgyz, Lào, Mali, Morocco, Mozambique, Niger, Tanzania và Zambia. Tuy nhiên danh mục này không được cập nhật sau mỗi mùa vụ. Bên cạnh đó, Bangladesh, Burkina Faso, Ethiopia, Guatemala, Kenya, Mali, Mozambique, Nepal, Niger, Nga, Tajikistan, Tanzania, Ukraina và Việt

Nam là những nước có danh mục giống phân loại theo điều kiện tự nhiên của từng vùng sản xuất nông nghiệp. Điều này giúp những người sản xuất nông nghiệp sử dụng được giống lúa mới phù hợp điều kiện đất đai, đặc điểm khí hậu, theo đó tăng năng suất của cây trồng.

Quản lý giống cây trồng theo pháp luật Trung Quốc [19]:

Ngày 04/11/2015, Quốc hội Trung Quốc đã thông qua việc sửa đổi luật giống Trung Quốc. Đây là lần sửa đổi luật đầu tiên kể từ khi luật này có hiệu lực năm 2000 nhằm mục đích phát triển ngành giống. Những sửa đổi cơ bản sau đã được áp dụng đối với hệ thống công nhận giống:

(1) Số lượng chủng loại giống cây trồng bắt buộc phải công nhận giống đã từ 28 loại giống xuống còn 5 loại, bao gồm lúa, lúa mì, ngô, bông và đậu tương.

(2) Đối với giống cây trồng không phải là cây trồng chính: Cho phép các công ty giống đáp ứng các yêu cầu nhất định được phép tự bố trí thử nghiệm để tiến hành tự công nhận giống.

Các công ty giống được phép đưa một giống đã công nhận đến một vùng sinh thái tương tự ở một tỉnh khác ở Trung Quốc mà không cần phải xin cấp bổ sung giấy chấp thuận của cơ quan quản lý.

(3) Một hệ thống ghi nhận hồ sơ giống (không cần hoặc không yêu cầu công nhận giống mới mà chỉ cần nộp hồ sơ xin ghi nhận) đã được thiết lập áp dụng cho các loại cây nhất định mà không bị ràng buộc bởi hệ thống công nhận giống đã sửa đổi này. Tuy nhiên, Chính phủ Trung Quốc vẫn chưa phát hành danh sách các loại cây được phép áp dụng theo hệ thống ghi nhận hồ sơ giống. Các phần trong “Quy định của nước CHDCND Trung Hoa về bảo hộ các giống cây mới” được tích hợp vào trong luật sửa đổi này và mức hình phạt đối với các hành vi vi phạm được tăng thêm. Giấy phép sản xuất giống và giấy phép kinh doanh giống được gộp thành một giấy phép sản xuất và kinh doanh giống. Một số đòi hỏi như yêu cầu về vốn kinh doanh tối thiểu được hủy bỏ để tạo sự dễ dàng hơn khi xin giấy phép. Chính phủ tăng cường trợ giúp và trợ cấp cho

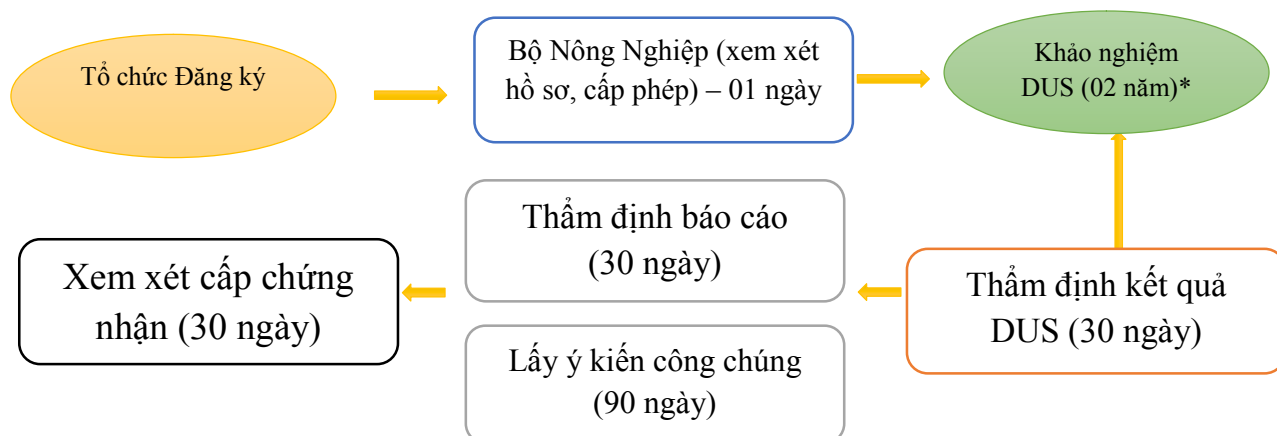
ngành giống Trung Quốc. Ví dụ máy móc thu hoạch và sản xuất giống có thể được đưa vào danh sách máy móc nông nghiệp được trợ giá.

Quản lý giống cây trồng tại Thái Lan [19]

Thái Lan không phải là nước thành viên của Hiệp hội Bảo hộ giống cây trồng mới Quốc tế/ International Union for Protection of New Varieties of Plants (UPOV), do vậy Thái Lan không yêu cầu và cũng không có quy định cho việc đăng ký giống cây trồng mới. Nghĩa là các tổ chức, cá nhân kinh doanh có thể tự do giới thiệu giống mới nhưng phải đảm bảo đưa hạt giống chất lượng tới tay người nông dân bằng việc đăng ký bắt buộc về chất lượng hạt giống thương mại theo quy định trong Luật Cây trồng.

Thái Lan hiện có 02 quy định liên quan đến giống cây trồng đó là (1): Luật Bảo hộ giống cây trồng/Plant Varieties Protection Act (PVP) và (2): Luật cây trồng/Plant Act. Mục đích của Luật bảo hộ giống cây trồng là để bảo vệ bản quyền của nhà tạo giống/breeder trong khi Luật cây trồng ban hành nhằm đảm bảo nông dân hay người sử dụng được sử dụng hạt giống chất lượng tốt. Một số những điểm nổi bật trong hai bộ luật này được tóm tắt dưới đây:

Luật bảo hộ giống cây trồng bao gồm 8 chương và 69 điều, trong đó giống cây trồng (chương II) được định nghĩa là phải có tính đồng đều, tính ổn định và tính khác biệt. Đối với các giống cây trồng hoang dại thì không yêu cầu tính đồng đều. Đăng ký bảo hộ được áp dụng đối với các giống đặc sản địa phương của Thái Lan với yêu cầu các giống này chưa bao giờ được đăng ký. Bảo hộ cũng được áp dụng với các giống cây trồng chung trong nước và các giống hoang dại. Quy trình thẩm định và xét duyệt bảo hộ như sau:



Sơ đồ 1.1. Quy trình thẩm định và xét duyệt bảo hộ giống cây trồng của Thái Lan

Những tổ chức cá nhân có hành vi sai phạm và xâm phạm bản quyền giống cây trồng của các chủ sở hữu mà không xin phép thì sẽ phải chịu sự phán quyết của tòa án. Các mức xử phạt là: bị phạt tù từ 1 tháng đến 02 năm hoặc phạt tiền từ 20000-400000 Bath hoặc cả hai hình phạt này tùy thuộc vào vi phạm và mức độ vi phạm.

Luật cây trồng được ban hành bởi Vua Thái Lan với sự tư vấn và đồng ý của Quốc hội Thái Lan. Luật bao gồm 7 chương và 71 điều quy định chính về yêu cầu bắt buộc đăng ký chất lượng hạt giống thương mại đối với các tổ chức cá nhân kinh doanh hạt giống. Có thể nói luật này tương tự như quy định về quy định kiểm nghiệm ở Việt Nam trong Thông tư 46/2015/TT-BNNPTNT quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng. Trong luật này, Thái Lan đưa ra khái niệm “giống bị kiểm soát” (là giống được ban hành bởi Bộ trưởng) và ban hành khoảng 37 giống loại bị kiểm soát, theo đó để kinh doanh các giống này phải có giấy phép và phải tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng giống, độ thuần. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã phải chịu trách nhiệm về bộ luật này, có nhiệm vụ và quyền hạn bổ nhiệm các nhà chức trách, ấn hành Lệnh cấp bộ, quy định các khoản lệ phí không vượt quá quy định ở

phần phụ kiện của văn bản luật này, thực hiện miễn trừ lệ phí và xác định phạm vi kinh doanh và ban hành các quy tắc phù hợp với luật.

Quản lý giống cây trồng tại Indonesia [10]

Hệ thống đăng ký giống của Indonesia

- Đơn vị khảo nghiệm là các cơ sở nghiên cứu độc lập có kết hợp với bên phát triển sản phẩm. Bên phát triển sản phẩm có thể kết hợp với trường đại học hay các cơ quan nghiên cứu và phát triển của chính phủ

- Thời gian đăng ký đối với 1 giống mới (bao gồm thời gian khảo nghiệm và đánh giá của Hội đồng): Có hai trường hợp:

(1) Nếu giống lai truyền thống chưa được đăng ký, thì thời gian mất khoảng 2 năm. Các bước tiến hành thông thường như sau:

- Khảo nghiệm nhiều điểm để xem xét tính thích ứng. Số điểm khảo nghiệm là 16 điểm trong 1 vụ trồng hoặc 8 điểm trong mỗi vụ trong 2 vụ trồng. Một vụ trồng khoảng 4 tháng.

- Tiến hành khảo nghiệm phải tuân thủ quy định cách ly nếu chưa được công nhận an toàn về thực phẩm, thực ăn chăn nuôi và môi trường. Hoặc, các khảo nghiệm được tiến hành tự do nếu đã đạt được tất cả các chứng nhận an toàn (thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và môi trường)

- Việc nộp kết quả khảo nghiệm được tiến hành theo các khung thời gian cố định cho việc đánh giá của hội đồng, thường là tổ chức 3 lần trong 1 năm.

(2) Nếu giống lai truyền thống đã được đăng ký, thường sẽ mất từ 1 – 1,5 năm để đăng ký, phụ thuộc vào một số điều kiện nhất định. Quy trình như sau:

- Khảo nghiệm tương đồng để xem xét tính thích ứng. Số điểm khảo nghiệm là 2.

- Khảo nghiệm tiến hành phải tuân thủ quy định cách ly nếu chưa được công nhận an toàn cho thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và môi trường. Hoặc khảo nghiệm tiến hành tự do nếu đã đạt được các giấy chứng nhận an toàn làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và môi trường.

- Việc nộp kết quả khảo nghiệm được tiến hành theo các khung thời gian cố định cho việc đánh giá của hội đồng, thường là tổ chức 3 lần trong 1 năm.



Sơ đồ 1.2. Quy trình đăng ký giống của Indônêxia

Phí duy trì hàng năm: Đối với đăng ký giống lai, không phải đóng phí duy trì hàng năm. Tuy nhiên, tại Indonesia có luật bảo vệ bản quyền tác giả. Để duy trì việc bảo hộ, cần phải đóng các phí nhất định theo quy định khác nhau, nhưng vẫn thuộc quản lý của Bộ Nông nghiệp.

Quản lý giống cây trồng tại Canada [11]

Năm 2009, chính phủ Canada triển khai một hệ thống công nhận giống linh hoạt có khả năng làm giảm các rào cản quy định trong khi vẫn tiếp tục duy trì những ích lợi cốt lõi của hệ thống công nhận giống đối với ngành trồng trọt. Các chủng loại cây trồng yêu cầu phải công nhận giống được chia thành 3 nhóm. Để công nhận giống theo bất kỳ nhóm nào, thì một bộ thủ tục công nhận cơ bản sẽ phải được đệ trình bởi những người nộp đơn. Bộ này bao gồm một mẫu đơn đề nghị, một mẫu giống tham chiếu, một bản mô tả giống, các chi tiết về phả hệ

và lịch sử phát triển giống đó và một khoản phí công nhận. Có 3 quy định lựa chọn đối với các điều kiện để công nhận giống khác nhau. Cây trồng được liệt kê trong Nhóm I và Nhóm II đòi hỏi phải có sự liên đới của một Hội đồng được thừa nhận gồm các chuyên gia trong ngành gọi là một “Hội đồng khuyến nghị” (RC). Những RC này đóng vai trò phản biện đối với những chủng loại giống cây đó. Trong tất cả các trường hợp, Văn phòng công nhận giống (VRO) thuộc Cơ quan thanh tra thực phẩm Canada (CFIA) xác minh:

- Giống đó là khác biệt so với tất cả các giống khác mà đã hoặc đang được công nhận ở Canada;
- Tên giống không tạo ra sự nhầm lẫn đối với tên của một giống đã hoặc đang được công nhận;
- Giống đó đáp ứng hoặc vượt các tiêu chuẩn về độ thuần giống được quy định bởi các quy định hiện hành hoặc bởi Hiệp hội các nhà sản xuất giống Canada đối với chủng loại, loài, dạng hình của giống đó và;
- Nếu giống đó hoặc giống nhân từ nó là cây trồng mang tính trạng mới lạ, xác minh rằng kiểu gen đã được chấp nhận không hạn chế phóng thích ở Canada và có sản phẩm lương thực, thức ăn chăn nuôi đã được chấp nhận phóng thích ra môi trường.

Nhóm I phải đáp ứng sẽ khác nhau tùy thuộc vào từng chủng loại cây trồng cụ thể. Ví dụ, đối với các giống lúa mì miền Tây Canada, do có đến 9 loại phẩm cấp lúa mì trên thị trường và vô số yêu cầu của khách hàng và người sử dụng, vì vậy mà có tới 33 đến 49 tính trạng cụ thể được đánh giá về tính “xứng đáng”, phụ thuộc vào Luật lương thực ngũ cốc Canada (ví dụ, 6 bệnh, 32 tham số về chất lượng, 9 tính trạng nông học đối với cây trồng thuộc Nhóm II, các hội đồng khuyến nghị quyết định có khuyến nghị công nhận một giống mới hay không chỉ căn cứ vào việc giống đó có đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm đồng ruộng theo hướng dẫn của RC hay không mà thôi. Không có việc đánh giá

“xứng đáng” hay không. Các loại cây trồng không dính dáng đến hệ thống công nhận giống. Mặc dù đa số các cây trồng ở Canada bị buộc phải công nhận giống, thì vẫn có ngoại lệ. Ví dụ, năm 1996, theo yêu cầu của ngành ngô, ngô được miễn công nhận giống. Đề nghị miễn này xuất phát từ những người trồng ngô mong muốn có được vị trí như những người trồng ngô ở Hoa Kỳ và được tiếp cận các giống ngô lai mới cùng thời gian với nông dân Hoa Kỳ. Những người liên quan trong ngành ngô thấy rằng để công nhận giống ở Canada thường mất 2-3 năm sau Hoa Kỳ và mất đi sự đồng bộ ảnh hưởng đến kế hoạch cung cấp sản phẩm. Ở thời điểm đó, chưa có sự linh hoạt trong hệ thống công nhận để có thể công nhận giống mà không yêu cầu đánh giá “xứng đáng”. Ngày nay, ngành ngô (thông qua hiệp hội giống thương mại Canada) đã phát triển và duy trì một cơ sở dữ liệu về các giống ngô lai đang được sử dụng thương mại tại Canada. Đối với loại cây trồng không thuộc hệ thống công nhận giống (ví dụ cây nhiên liệu sinh học như cây họ cải), thì các yêu cầu cũng tương tự như loại cây muốn chuyển từ Nhóm này sang Nhóm khác. Cần phải có lý do chính đáng và sự đồng thuận của những người có liên quan. Sự thay đổi quy định là cần thiết để yêu cầu loại cây trồng này phải được công nhận giống.

Canada công nhận giống theo 4 lựa chọn:

- Giải pháp lựa chọn 1: Cho phép thừa hưởng sự linh hoạt của hệ thống công nhận giống hiện hành
- Giải pháp lựa chọn 2: Tinh giảm quy trình quy định bằng cách đòi hỏi tất cả các cây trồng đáp ứng một yêu cầu công nhận tối thiểu với việc chỉ lựa chọn một số cây trồng phải đánh giá tính “xứng đáng” thông qua một quy trình đánh giá độc lập
- Giải pháp lựa chọn 3: Tinh giảm quy trình quy định bằng việc duy trì một mức giám sát tối thiểu của chính phủ liên bang (tương tự như Nhóm III), và

xóa bỏ bất kỳ việc đánh giá tính “xứng đáng” nào hay xóa bỏ việc đánh giá số liệu về đặc tính giống theo hệ thống công nhận giống.

- Giải pháp lựa chọn 4: Rút bỏ vai trò giám sát của chính phủ liên bang trong công nhận giống, cho phép các ngành nghề hoặc các bên thứ ba đảm nhiệm những chức năng này. Giải pháp lựa chọn này liên quan đến việc xóa bỏ vai trò giám sát trực tiếp của chính quyền liên bang đối với hệ thống công nhận giống. CFIA và Y tế Canada sẽ vẫn tiếp tục đảm bảo sự an toàn của các cây trồng mang tính trạng mới lạ (PNT) đối với thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và môi trường bằng việc đưa ra một cơ chế nhằm đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc các cây trồng đó.

Mục đích của việc đăng ký giống theo hệ thống của Canada là sự giám sát của chính phủ để đảm bảo các yêu cầu về an toàn và sức khỏe được đáp ứng và những thông tin liên quan đến việc nhận dạng của một giống được công khai để tránh việc làm giả. Việc đăng ký giống tạo điều kiện cho việc xác nhận hạt giống, cho thương mại hóa toàn cầu của hạt giống cũng như việc theo dõi và nhận dạng các giống trong các kênh thương mại.

Hệ thống đăng ký giống của Canada được phân chia từ đầu theo danh mục cây trồng, trong đó:

- Nhóm I: nhóm cây trồng chính: ngoài việc cung cấp các yêu cầu cơ bản, còn có yêu cầu kiểm nghiệm trước đăng ký và đánh giá tính tương đồng hay ưu thế so với các giống tham khảo.
- Nhóm II yêu cầu kiểm nghiệm trước đăng ký cũng như các yêu cầu cơ bản.
- Nhóm III cần cung cấp các yêu cầu cơ bản.



Quản lý giống cây trồng ở một số nước khác

Nhìn chung, quy trình phát triển một giống mới và đưa nó ra thị trường là một quá trình dài, không phụ thuộc vào chủng loại cây trồng hay việc giống đó được phát triển ở đâu. Tuy nhiên, không phải tất cả các quốc gia đều có hệ thống công nhận giống hợp pháp như tại Canada.

Ở Hoa Kỳ, không có yêu cầu công nhận giống bắt buộc với sự giám sát của chính phủ liên bang. Tuy nhiên, các tác giả có thể mất 2- 3 năm để thực hiện thí nghiệm trước khi thương mại hóa giống. Các thí nghiệm này thường được sử dụng để cung cấp số liệu đáng tin cậy đến nông dân và các số liệu theo chức năng của hạt lương thực ngũ cốc đến người tiêu dùng.

Úc cũng không có hệ thống công nhận bắt buộc. Tuy nhiên, đối với các giống lúa mì mới để đạt được sự phân loại phẩm cấp cần thiết nhằm tham gia vào hệ thống xuất khẩu lúa mì của Úc, thì các nhà phát triển giống phải có được số liệu của một số năm thí nghiệm đồng ruộng nhất định.

Các nước EU đều đòi hỏi công nhận giống/chứng nhận hạt giống bắt buộc đối với các cây trồng nông nghiệp chính. Khi giống đến toàn EU, có những

hướng dẫn cụ thể để công nhận giống mà theo đó năng suất khả dĩ, khả năng chống chịu các sinh vật gây hại, sự thân thiện với môi trường và chất lượng phải được đánh giá, nhưng hướng dẫn dạng này không nêu ra các nguyên tắc cụ thể nào (ví dụ đối với số điểm hay thời gian khảo nghiệm). Kết quả là, các yêu cầu và chế độ khảo nghiệm thì khác nhau ở mỗi nước khác nhau. Năm 2012, EU bắt đầu xem xét lại luật liên quan đến công nhận giống và chứng nhận hạt giống. Nhận biết những áp lực tài chính lớn hơn đối với các nước thành viên và cần phải giảm gánh nặng hành chính cho người sử dụng hệ thống công nhận giống/chứng nhận hạt giống, vì vậy việc xem xét lại hệ thống đã tạo ra một vài kịch bản để lấy ý kiến công khai. Các kết quả xem xét lại đã được công bố vào tháng 5 năm 2013. Đề nghị mới cố gắng cân bằng điểm mạnh của hệ thống hiện tại với mong muốn của những người liên quan nhằm giảm chi phí, sự phức tạp và tăng hiệu quả của hệ thống. Sự chấp nhận trên toàn EU được mong đợi sẽ xảy ra trong 2-3 năm nữa.

Ở Brazil, Bộ Nông nghiệp giám sát một hệ thống công nhận cây trồng. Mỗi chuỗi giá trị cây trồng chịu trách nhiệm quy định các yêu cầu công nhận một cây trồng (ví dụ, số năm và địa điểm thí nghiệm trước công nhận, tiêu chí nào phải đạt được v.v.). Chính phủ liên bang ban hành công nhận một giống dựa trên khuyến nghị của một chuỗi giá trị.

Để quản lý hoạt động trong sản xuất nông nghiệp, các nước trên thế giới đều có các bộ Luật riêng nhưng thể hiện ở nhiều dạng văn bản luật khác nhau. Nhiều nước có Luật nông nghiệp trong đó có các Luật như Luật phân bón, Luật giống, Luật kiểm dịch thực vật, Luật thuốc BVTV, Luật cây trồng v.v.. Một số nước vừa có Luật nông nghiệp chung, vừa có Luật riêng cho từng lĩnh vực trong khi một số nước không có Luật nông nghiệp mà chỉ có các Luật riêng cho từng chuyên ngành.

Ở nước ta hiện không có Luật Nông nghiệp mà đã và đang tiếp cận theo hướng ban hành các Luật riêng cho các chuyên ngành trong lĩnh vực nông

ng nghiệp như Luật Thủy sản, Luật Thủy lợi, Luật Lâm nghiệp; Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Luật Thú y và hiện nay đang chuẩn bị để ban hành Luật Chăn nuôi, Luật Trồng trọt.

Như vậy có thể thấy, cách tiếp cận ban hành Luật trong lĩnh vực nông nghiệp cũng rất khác nhau, điều quan trọng là nội hàm được quy định trong từng văn bản Luật.

Tiểu kết: Tại chương này, tác giả tập trung phân tích làm rõ các khái niệm liên quan đến điều kiện, điều kiện kinh doanh, giống, giống cây trồng, điều kiện đầu tư, doanh nghiệp...đồng thời phân tích mối quan hệ pháp luật liên quan đến điều kiện kinh doanh giống cây trồng (về chủ thể, khách thể, nội dung của quan hệ pháp luật); vai trò của pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng, tìm hiểu quy định của một số nước trên thế giới về điều kiện kinh doanh và về giống cây trồng, từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về trồng trọt nói chung, điều kiện kinh doanh giống cây trồng nói riêng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Quy định về điều kiện kinh doanh giống cây trồng

2.1.1. Quy định về chủ thể có quyền kinh doanh giống cây trồng

Hệ thống sản xuất, kinh doanh, phân phối giống cây trồng bao gồm các doanh nghiệp, các trung tâm, các đại lý, các hộ được hình thành rộng khắp trên địa bàn cả nước.

Theo quy định của Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004 và các văn bản hướng dẫn quy định tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh giống cây trồng chính với mục đích thương mại phải đáp ứng được các yêu cầu: có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; có địa điểm sản xuất phù hợp; cơ sở vật chất và trang thiết bị; có nhân viên kỹ thuật và nhân viên kiểm nghiệm

Thực hiện các quy định trên hơn mười năm qua đã có 115 tổ chức tham gia Hiệp hội Thương mại giống cây trồng trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh giống cây trồng. Đối với các doanh nghiệp của nhà nước ở Trung ương có Công ty giống cây trồng trung ương các Công ty giống cây lâm nghiệp thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp, ở địa phương có các công ty vật tư nông nghiệp thực hiện chức năng kinh doanh giống cây trồng, nhiều địa phương có công ty giống cây trồng thực hiện chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, hiện tất cả các công ty này đã chuyển cổ phần hóa. Những năm gần đây, thực hiện mở cửa và hội nhập được đẩy mạnh nên có rất nhiều các công ty giống cây trồng của nước ngoài tham gia và sản xuất kinh doanh giống tại Việt Nam trong đó có nhiều tập đoàn lớn. Cả nước có 652 tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng được các tỉnh, TP cấp mã số. Trong đó có 298 công ty giống, 79 trung tâm giống, còn lại là các hộ tư nhân, tổ hợp tác, HTX... Về công nhận giống cây trồng, Danh mục giống cây trồng nông nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh

tại Việt Nam gồm 834 giống, trong đó một số giống cây chủ lực gồm 344 giống lúa, 146 giống ngô, 25 giống lạc...[18]

Hiện lượng giống lúa cơ bản sản xuất được trong nước đáp ứng trên 80%, số còn lại nhập từ nước ngoài. Giống ngô sản xuất tại trong nước mới đáp ứng được 40%, các loại giống cây trồng khác như cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lâm nghiệp chủ yếu là sản xuất trong nước. Các loại giống rau, hoa chủ yếu sản xuất ở trong nước theo phương pháp truyền thống và hiện nay được nhập khẩu vào sản xuất ngày càng nhiều với chủng loại phong phú.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thời gian qua được thành lập theo quy định hiện hành, hoạt động bình đẳng, không phân biệt giữa doanh nghiệp nhà nước, tư nhân hay FDI. Vai trò của doanh nghiệp trong sản xuất, nghiên cứu và phát triển giống mới ngày càng tăng. Trong số giống lúa được công nhận, có 61% giống do doanh nghiệp và các trung tâm giống nghiên cứu chọn tạo; 19/26 giống ngô được công nhận do doanh nghiệp chọn tạo...

Sự đóng góp của hàng nghìn doanh nghiệp và hàng vạn các điểm đại lý tạo thành mạng lưới rộng khắp trong cả nước đáp ứng yêu cầu về giống tốt cho sản xuất và góp phần quan trọng vào nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất. Tuy nhiên, với quy định quản lý nêu trên cũng gây ra những khó khăn cho công tác quản lý. Đặc biệt theo quy định của Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004 đối với các hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng chính mà không thuộc diện đăng ký kinh doanh thì không phải thực hiện các điều kiện đã nêu trên. Quy định này là không hợp lý và tạo kẽ hở cho việc kinh doanh phi pháp tồn tại vì bất kể tổ chức, cá nhân nào (trong đó có các hộ) nếu thực hiện việc kinh doanh giống cây trồng thì cần phải được cấp phép theo quy định

2.1.2. Các điều kiện đối với từng loại giống cây trồng

a) Công tác nghiên cứu chọn tạo giống:

Trong mười năm qua cùng với sự phát triển lực lượng cán bộ làm công

tác nghiên cứu khoa học chung của đất nước thì hệ thống các cơ sở nghiên cứu giống cây trồng cũng được xây dựng và phát triển.

Hệ thống các cơ sở nghiên cứu của Trung ương như các trung tâm, các viện nghiên cứu được hình thành và phát triển rộng khắp trên địa bàn cả nước, đối với các viện, trung tâm nghiên cứu đầu ngành ở trung ương có Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam (Viện VAAS) bao gồm 18 Viện và đơn vị thành viên, ngoài ra còn có các Viện Nuôi trồng thủy sản, Viện cơ điện, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam,...trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Viện nghiên cứu cây Dược liệu, Viện Nghiên cứu cao su, Viện nghiên cứu Mía đường,... thuộc các bộ ngành khác.

Đối với các địa phương: hệ thống các trung tâm giống cây trồng thuộc các sở Nông nghiệp PTNT quản lý những năm gần đây giảm đi do chuyển sang loại hình cổ phần hóa hình thành các doanh nghiệp nghiên cứu sản xuất giống. Tuy nhiên, ở một số địa phương Trung tâm giống cây trồng hoặc Trung tâm giống cây trồng vật nuôi hoạt động tương đối có hiệu quả khẳng định được vai trò do đó vẫn tồn tại, song không nhiều do hoạt động có nhiều khó khăn về lực lượng cán bộ kỹ thuật chuyên ngành có trình độ cao và nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho nghiên cứu giống ngày càng hạn hẹp.

Đối với các cơ sở nghiên cứu thuộc các doanh nghiệp: những năm gần đây các doanh nghiệp đã tự xây dựng cho mình những cơ sở nghiên cứu để phục vụ cho chiến lược sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như: Viện Mía đường, Viện Nghiên cứu cây thuốc lá, Viện Nghiên cứu cây cao su; các Trung tâm công nghệ sinh học tạo giống như Trung tâm công nghệ sinh học thuộc Tổng công ty Giống cây trồng trung ương, Trung tâm công nghệ sinh học thuộc Tổng công ty mía đường Quảng Ngãi, là mô hình doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, chọn tạo phát triển giống cây trồng mới được xuất hiện trong những năm gần đây; hoạt động của các Viện, của các Trung tâm thuộc doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả cao do các doanh nghiệp đầu tư vốn xây dựng cơ sở vật chất, thuê các

chuyên gia kỹ thuật cao cấp, tập trung nghiên cứu các lĩnh vực cụ thể phục vụ cho chiến lược phát triển của doanh nghiệp, các loại hình này được đánh giá là hoạt động có hiệu quả. Nhà nước cần có chính sách khuyến khích loại hình cơ sở nghiên cứu trực thuộc các doanh nghiệp để loại hình này có điều kiện phát triển mạnh hơn trong thời gian tới.

Về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác nghiên cứu khảo nghiệm đối với các viện thuộc các cơ quan ở trung ương tiếp tục được quan tâm đầu tư nên có cơ sở vật chất và trang thiết bị tương đối đồng bộ do đó các công trình nghiên cứu về giống được thực hiện và đem lại nhiều kết quả phục vụ cho sản xuất. Hiện nay các Trung tâm, Viện nghiên cứu vẫn là cơ sở trụ cột về nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng cho sản xuất nông nghiệp của đất nước. Do có nhiều khó khăn nên các trung tâm nghiên cứu chọn tạo giống của các địa phương ít đi, các trung tâm chuyển sang công phần hóa chuyển sang sản xuất và kinh doanh giống phục vụ cho sản xuất ở địa phương. Đây là hướng đi đúng để tổ chức lại các cơ sở nghiên cứu giống cây trồng cho phù hợp. Các cơ sở nghiên cứu thuộc các doanh nghiệp là loại hình rất phù hợp với tình hình hiện nay nên nhà nước cần khuyến khích loại hình này phát triển.

- Về tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến áp dụng vào nghiên cứu chọn tạo giống:

Do các thành tựu về khoa học kỹ thuật đối với lĩnh vực giống nói chung và lĩnh vực giống cây trồng nói riêng trên thế giới những năm gần đây phát triển mạnh mẽ nhiều tiến bộ kỹ thuật, công nghệ nghiên cứu và sản xuất giống tiên tiến được áp dụng vào trong nước như công nghệ phân tử, công nghệ gen, công nghệ khí canh, công nghệ thủy canh, công nghệ nuôi cấy mô... Nhiều loại giống cây trồng được nghiên cứu chọn tạo từ các công nghệ tiên tiến này như: ngô biến đổi gen, lúa kháng sâu bệnh, các loại giống hoa, mía, khoai tây, các giống cây mô và giống lai trong sản xuất lâm nghiệp...

Những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ tiên tiến này đã góp phần quan trọng trong chọn tạo được những giống có chất lượng tốt, khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, có khả năng kháng sâu bệnh cao, rút ngắn thời gian nghiên cứu, chọn lọc giống đem lại hiệu quả tốt trong sản xuất nông nghiệp.

Việc cơ sở pháp lý được xây dựng tương đối đồng bộ, kịp thời đã phục vụ đắc lực cho công tác nghiên cứu chọn tạo từ đó đã có nhiều giống mới được công nhận và đưa vào sản xuất. Đến nay, danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hiện có 814 giống cây trồng, bao gồm: có 184 giống lúa (trong đó: có 74 giống lúa lai, 110 giống lúa thuần: 102 giống lúa tẻ; 08 giống lúa nếp); có 69 giống ngô (ngô lai: 49 giống; ngô nếp: 15 giống; ngô đường: 5 giống); có 3 giống sắn; có 7 giống khoai tây; có 25 giống lạc; có 18 giống đậu tương và các loại giống cây lâm nghiệp và cây công nghiệp, cây ăn quả: 06 giống chè, 04 giống bông, 06 giống thuốc lá, 01 giống cam, 02 giống cao su, 06 giống cà phê, 03 giống nhãn chín muộn, 02 giống vải, 01 giống quýt, 02 giống mía, 01 giống hồng; 01 giống dứa, 01 giống lê, 01 giống nho và nhiều giống cây công nghiệp cây ăn quả các loại được công nhận cho sản xuất thử [18].

b) Khảo nghiệm, chứng nhận chất lượng giống cây trồng

Theo quy định của Pháp lệnh và các văn bản hướng dẫn, các loại giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh phải có tên trong danh mục sau khi đã qua khảo nghiệm và được công nhận. Hình thức khảo nghiệm quốc gia và tác giả tự khảo nghiệm. Nội dung khảo nghiệm gồm: khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống cây trồng mới (*DUS*); khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cây trồng mới (*VCU*). Về trình tự khảo nghiệm giống cây trồng nông nghiệp, Bộ giao đầu mỗi chủ trì khảo nghiệm là Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống và sản phẩm cây trồng quốc gia;

Khảo nghiệm *DUS*: đã khảo nghiệm 536 lượt giống cây trồng, trong đó có 186 giống lúa thuần, 189 giống lúa lai, 96 giống ngô, 35 giống ngô nếp, 2 giống ngô đường, 16 giống lạc và 12 giống đậu tương[18].

Xây dựng bộ mẫu chuẩn giống cây trồng: đã thu thập, xây dựng được 743 bộ, trong đó có 180 bộ giống lúa, 50 bộ giống lạc, 60 bộ giống đậu tương, 146 bộ giống mía, 70 bộ giống hoa cúc, 50 bộ giống ngô tẻ, 30 bộ giống cà chua, 35 bộ giống ớt, 47 bộ giống dưa hấu, 15 bộ giống cải bắp, 15 bộ giống dưa chuột, 30 bộ giống đậu đũa và 15 bộ giống su hào.

Khảo nghiệm VCU: đã khảo nghiệm 6.252 lượt giống cây trồng, trong đó có 2.393 giống lúa thuần, 1.716 giống lúa lai, 1.376 giống ngô lai, 466 giống ngô nếp ngô đường, 93 giống lạc và 91 giống đậu tương.

Hệ thống khảo nghiệm đã được thành lập và đi vào hoạt động ổn định với 38 điểm (gồm các trạm trại của Trung tâm trong các vùng sinh thái đại diện của cả nước và mạng lưới các tỉnh); Đối với các loại cây trồng không phải cây trồng chính thì tác giả, cơ quan tác giả có thể tự khảo nghiệm. Quá trình khảo nghiệm các giống cây trồng phải được kiểm tra đánh giá bởi Cục Trồng trọt và có sự phối hợp theo dõi, nhận xét của Sở Nông nghiệp và PTNT các địa phương nơi tiến hành khảo nghiệm hoặc sản xuất thử.

Đến nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ định được 9 đơn vị tiến hành triển khai các thí nghiệm khảo nghiệm DUS trên toàn quốc, cán bộ làm công tác khảo nghiệm đều được đào tạo và đào tạo lại ở trong và ngoài nước để đáp ứng được yêu cầu về năng lực, trình độ chuyên môn; chỉ định được 25 Phòng thử nghiệm (PTN) về giống cây trồng nông nghiệp, trong đó có 13 PTN được chỉ định theo Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT và 12 PTN được chỉ định theo Thông tư số 16/2011/TT-BNNPTNT; chỉ định được 19 tổ chức chứng nhận hợp quy giống cây trồng. Trong đó có 15 tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định tại Thông tư số 32/2010/TT-BNNPTNT và 04 tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định tại Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT.

Kết quả đã chứng nhận hợp quy giống cây trồng được 7.543 lô giống (tương đương với 120.317,934 tấn giống) của 5 loài cây trồng (giống lúa, ngô, lạc, đậu tương, khoai tây) thuộc danh mục sản phẩm hàng hóa nhóm 2 [18].

2.2. Quản lý chất lượng giống cây trồng

Hàng năm nhu cầu về giống lúa khoảng 350-400 ngàn tấn và khoảng 28-30 ngàn tấn ngô cho sản xuất gần 7 triệu ha lúa và 1,4 triệu ha ngô. Hiện nay, lượng giống lúa cơ bản đã chủ động sản xuất ở trong nước trên 80%, số còn lại nhập từ nước ngoài (chủ yếu là giống lúa lai từ Trung Quốc, Ấn Độ). Đối với giống ngô, sản xuất tại trong nước mới đáp ứng được 40% còn chủ yếu là do các công ty đa quốc gia của Thái Lan, Mỹ, Ấn Độ sản xuất được nhập vào trong nước [18]. Các loại giống cây trồng khác như cây công nghiệp cây ăn quả cây lâm nghiệp chủ yếu là sản xuất trong nước. Các loại giống rau, hoa sản xuất ở trong nước chủ yếu là do người dân để giống theo phương pháp truyền thống, gần đây số lượng giống nhập nội có chủng loại phong phú, chất lượng tốt được nhập vào sản xuất ngày càng nhiều để đáp ứng nhu cầu, thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng trong nước. Hơn mười năm thực hiện Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004 đã xây dựng và ban hành được 113 TCVN và QCVN (có 76 QCVN, 37 TCVN; Chi tiết tại phụ lục 02) quy định về lĩnh vực giống cây trồng gồm: về chất lượng giống cây trồng; về khảo nghiệm DUS, VCU; về phương pháp kiểm nghiệm, kiểm định giống cây trồng, phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống; về sản xuất giống; tiêu chuẩn cây đầu dòng; về vườn ươm, bầu ươm giống cây ăn quả.

Hệ thống kiểm soát chất lượng giống cây trồng ở Việt Nam bao gồm: hệ thống các đơn vị kiểm định, các phòng kiểm nghiệm và cấp chứng nhận cho các lô giống (trước khi đưa vào lưu thông) và lực lượng quản lý chuyên ngành, quản lý thị trường (quản lý giống đang lưu thông trên thị trường). Hệ thống kiểm định ruộng giống, kiểm nghiệm hạt giống bao gồm các đơn vị kiểm định đồng ruộng, phòng kiểm nghiệm quốc gia được công nhận và các phòng hoặc bộ phận kiểm nghiệm nội bộ của doanh nghiệp.

Các tổ chức được chỉ định chứng nhận chất lượng giống cây trồng ở các tỉnh miền Bắc có số lượng nhiều hơn các tỉnh miền Trung và miền Nam do đó có

thể đánh giá công tác quản lý chất lượng giống ở miền Bắc tốt hơn các nơi khác. Mặt khác, việc quản lý chất lượng giống nhất là ở đồng bằng Sông Cửu Long nơi có nhu cầu hạt giống lúa hàng năm rất lớn do tập quán tự để giống của người dân nên lượng giống này rất khó kiểm soát chất lượng khi đưa vào sản xuất.

Theo quy định của Pháp lệnh về sản xuất, kinh doanh giống cây trồng chính trước khi đưa vào lưu thông phải qua kiểm tra và chứng nhận chất lượng. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có quy định cụ thể tại Thông tư số 79/2011/TT-BNNPTNT quy định về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật (*nay được thay thế bằng Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT*). Trong đó sản xuất giống lúa siêu nguyên chủng bắt buộc phải qua kiểm định đồng ruộng, kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng và sản xuất lúa lai phải được hậu kiểm bởi TTKKNG, SPCT QG. Công tác này được Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia thực hiện tương đối tốt. Đối với các tổ chức chứng nhận được chỉ định thì số lượng giống qua kiểm định, kiểm nghiệm trước khi đưa vào sản xuất rất thấp so với tổng lượng giống thực tế được sử dụng trong sản xuất. Một phần giống lúa siêu nguyên chủng, hầu hết giống ngô lai, lúa lai được qua kiểm nghiệm tại các phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận chất lượng được chỉ định thì lượng giống được cung cấp cho sản xuất đảm bảo chất lượng, còn lại các giống lúa cấp nguyên chủng, xác nhận phần lớn do các đơn vị tự kiểm tra và chứng nhận chất lượng thực hiện thì khó kiểm soát về chất lượng giống khi đưa ra sản xuất.

Về kiểm định: được thực hiện do Trung tâm Khảo nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia, các tổ chức chứng nhận chất lượng giống cây trồng, các công ty giống cây trồng được thực hiện đảm bảo quy trình. Theo báo cáo của Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng quốc gia mỗi năm kiểm định được khoảng từ 6.000-9.000 dòng G2, tương đương lượng lúa giống cấp siêu nguyên chủng từ 750-1.200 tấn giống, lượng giống qua kiểm soát chất

lượng bởi cơ quan kiểm định chỉ chiếm 35- 40% tổng lượng giống lúa đã sản xuất của các đơn vị sản xuất, kinh doanh giống cây trồng.

Về kiểm soát chất lượng hạt giống lúa lai mỗi năm từ 2.500-3.000 ha, tương đương lượng giống 5.500 - 6.000 tấn giống. Tổng số mẫu hạt giống kiểm nghiệm bình quân mỗi năm khoảng 1.800 mẫu.

Về chứng nhận chất lượng từ năm 2012-2014 chứng nhận chất lượng 7.557 lô giống, tương đương 106.718 tấn giống, bao gồm các cấp giống SNC, NC, Xác nhận 1 và hạt lai F1.

** Bất cập lớn nhất của Pháp lệnh hiện nay là các qui định về công tác quản lý chất lượng giống cây trồng chưa đáp ứng được yêu cầu, cụ thể như sau.*

Thứ nhất, về quản lý chất lượng giống cây trồng

Theo quy định của Pháp lệnh thì chỉ có giống cây trồng chính mới được quản lý chặt chẽ (lúa, ngô, lạc và đậu tương). Tuy nhiên, danh mục giống cây trồng chính không được bổ sung và loại bỏ thường xuyên. Nên không phù hợp với sự phát triển nông nghiệp của đất nước. Bên cạnh đó công tác quản lý các loại giống từ khâu sản xuất đến kinh doanh bị buông lỏng do đó trong thời gian qua có rất nhiều loại giống được đưa vào sản xuất nhưng không kiểm soát được chất lượng đặc biệt là các loại giống cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lâm nghiệp. Đây là nguyên nhân chính làm cho chất lượng giống đưa và sản xuất không đạt yêu cầu, rất nhiều giống kém chất lượng từ đó nông sản hàng hóa sản xuất ra không đảm bảo về năng suất, chất lượng so với yêu cầu.

Thứ hai, về thủ tục công nhận giống cây trồng mới:

Việc quản lý giống theo danh mục loài cây trồng chính hiện nay có 4 loài cây đó là lúa, ngô, đậu, lạc. Những loại cây trồng này phải tuân thủ các qui trình về khảo nghiệm, công nhận rồi mới đưa vào sản xuất kinh doanh. Còn đối với các loại cây trồng không nằm trong danh mục này thì chỉ cần đưa vào danh sách là được sản xuất kinh doanh. Từ việc quản lý theo danh mục cây trồng chính hiện nay sẽ dẫn đến tình trạng:

(1) Hiện ở Việt Nam có hàng trăm loại cây trồng ở các vùng sinh thái khác nhau nếu chỉ quản lý 4 loại cây trồng chính theo danh mục, thì hầu hết các loại cây trồng không được quản lý dẫn đến tình trạng buông lỏng về chất lượng của hầu hết các loại cây trồng. Mặt khác qui định về danh mục cây trồng chính hiện nay là không chính xác vì cây đậu, lạc là những loại cây trồng có hiệu quả đối với sản xuất không lớn trong khi đó rất nhiều loại cây trồng có diện tích, khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn, tác động đến số đông của người sản xuất (như cây cao su, cafe, hồ tiêu, một số loại cây ăn quả,..), mang lại giá trị xuất khẩu cao thì lại không được coi là cây trồng chính để quản lý chặt chẽ nhất là về chất lượng giống.

(2) Đối với việc khảo nghiệm để công nhận giống cây trồng mới đưa vào sản xuất thì qui trình rất phức tạp dẫn đến thời gian để công nhận giống mới rất lâu (cây ngắn ngày khoảng 3 năm đến 3,5 năm, cây dài ngày trên 10 năm) do đó các giống mới có chất lượng tốt không nhanh chóng đưa được vào sản xuất. Bên cạnh đó các chỉ tiêu xác định về năng suất cây dài ngày không chính xác (ví dụ: Lấy năng suất mủ cao su, cây ăn quả 2 năm đầu khai thác để làm cơ sở xác định năng suất của cây trồng đó là không chính xác).

Thứ ba, về các chỉ tiêu đánh giá về chất lượng giống

Đối với cây ngắn ngày chủ yếu tập trung công nhận cho giống cây lương thực (hiện đã công nhận 184 giống lúa và trên 69 giống ngô). Tuy nhiên, việc công nhận giống mới chỉ tập trung vào chỉ tiêu năng suất (tăng năng suất trên 10% là được chấp nhận) còn các chỉ tiêu đánh giá về chất lượng khác chưa có tiêu chuẩn cụ thể nên dẫn đến tình trạng nhiều giống được công nhận nhưng chất lượng và khả năng chống chịu không đáp ứng được yêu cầu. Đối với cây dài ngày cũng mới chỉ đánh giá chủ yếu về ngoại hình của cây giống và một số yếu tố về năng suất, tính chống chịu, chất lượng không được đánh giá đầy đủ.

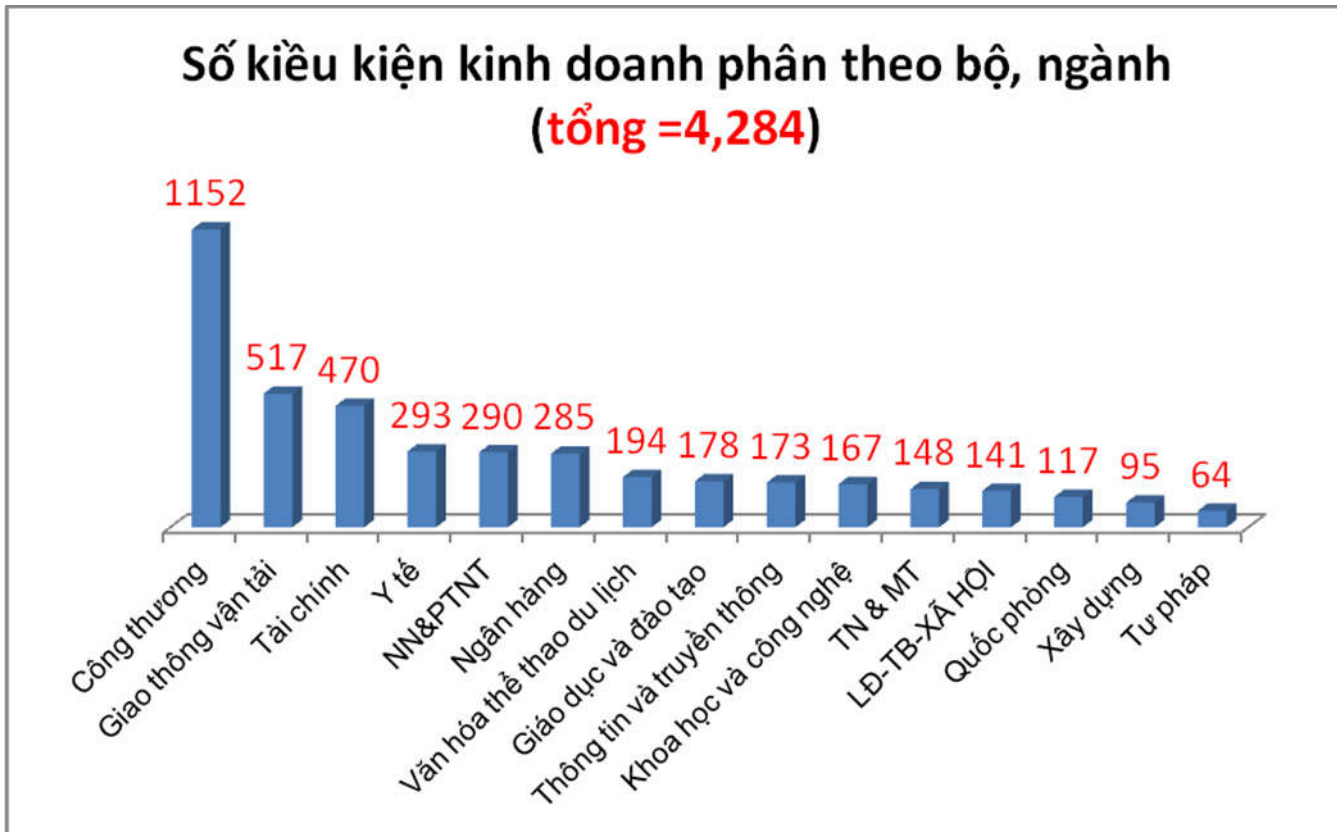
Thứ tư, về chính sách phát triển giống:

Mặc dù chính sách được ban hành song do nguồn ngân sách hạn chế nên việc đầu tư hỗ trợ cho công tác phát triển giống trên địa bàn cả nước có nhiều khó khăn và không đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển. Do đó, cần phải có chính sách và cơ chế huy động nguồn lực thiết thực, để tạo điều kiện hỗ trợ cho lĩnh vực giống cây trồng phát triển đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Không chỉ liên quan đến vấn đề pháp lý, hiện nay, tình trạng sản xuất, kinh doanh giống chưa được quản lý chặt chẽ do hệ thống thanh, kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan trung ương mỏng, vai trò của cơ quan thanh, kiểm tra ở địa phương chưa phát huy được hiệu quả. Tình trạng giống giả, giống kém chất lượng vẫn được sản xuất, lưu thông và sử dụng, gây thiệt hại cho nông dân, đồng thời bóp méo thị trường và cạnh tranh không lành mạnh.

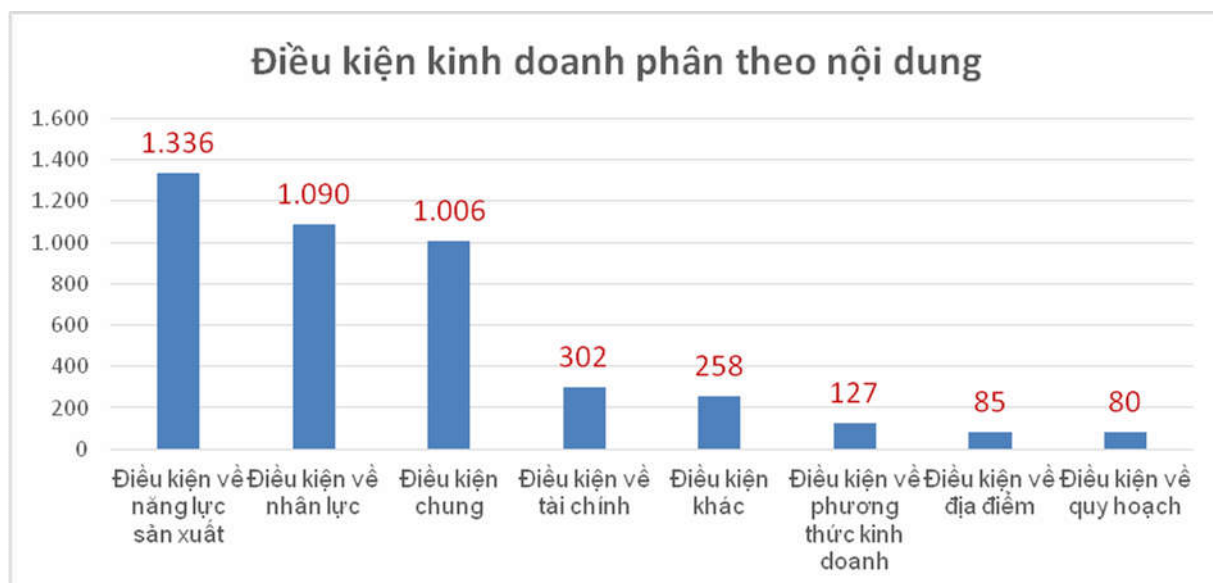
2.3. Nội dung các điều kiện kinh doanh giống cây trồng

Theo quy định của Luật Đầu tư, có 07 ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh và 243 ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Ngoài ra, còn có 19 hàng hóa cấm kinh doanh, 05 dịch vụ cấm kinh doanh, 07 hàng hóa hạn chế kinh doanh và 01 dịch vụ hạn chế kinh doanh; có 92 loại hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện; 20 loại hàng hóa, dịch vụ độc quyền nhà nước. Hiện nay, tổng số các điều kiện đầu tư kinh doanh tương ứng với 243 ngành nghề là khoảng 4284 yêu cầu, điều kiện. Các điều kiện đầu tư kinh doanh được quy định ở 237 văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm từ Luật (66), Pháp lệnh (3), Nghị định (162) và Hiệp định (6). 15 Bộ có quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh. Bộ Công Thương có số điều kiện lớn nhất (1152), Bộ Tư pháp có ít điều kiện nhất (64). Nếu tính đến nội dung của điều kiện kinh doanh, một số Bộ, ngành khác cũng có liên quan, ví dụ như điều kiện về trật tự an ninh (kinh doanh karaoke) do Bộ Công an quy định và kiểm tra.



Bảng 2.1 – Số lượng điều kiện kinh doanh phân theo bộ ngành

Các điều kiện kinh doanh được quy định khá đa dạng, có đến hàng trăm loại yêu cầu, điều kiện khác nhau. Xét theo nội dung, có thể chia thành 08 nhóm điều kiện cơ bản, bao gồm: (i) Phải được tổ chức dưới hình thức pháp lý nhất định, (ii) Yêu cầu về nhân lực, lao động, (iii) Yêu cầu về năng lực sản xuất, (iv) Yêu cầu về cách thức, bố trí tổ chức sản xuất, nhà xưởng, (v) Yêu cầu về năng lực tài chính tối thiểu, (vi) Yêu cầu phù hợp với quy hoạch, (vii) Phải được đào tạo, tập huấn do cơ quan nhà nước tổ chức, (viii) Phải được chấp thuận của cơ quan nhà nước để được kinh doanh, thể hiện ở bảng 2 như sau:



Bảng 2.2. Điều kiện kinh doanh phân theo tám nhóm nội dung

Bảng 1. 2 cho thấy điều kiện về năng lực chiếm số lượng lớn nhất (1336), tiếp theo là điều kiện về nhân lực (1090). Điều kiện về năng lực sản xuất có mặt ở hầu hết các lĩnh vực sản xuất kinh doanh có điều kiện, nhất là các ngành chế biến, chế tạo. Điều kiện chung tuy có con số thống kê lớn nhưng bao gồm nhiều nội dung ví dụ như có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, v.v.

Loại và tên ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư. Các điều kiện đầu tư cụ thể tương ứng với mỗi ngành nghề kinh doanh được quy định ở các Luật, pháp lệnh và nghị định có liên quan. Hồ sơ, trình tự, thủ tục tuân thủ điều kiện kinh doanh được quy định chủ yếu ở các nghị định và các thông tư, quyết định.

** Điều kiện về có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống cây trồng.*

Vì các quy định về giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh quy định tại Pháp lệnh giống cây trồng năm 2005, nên việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp kinh doanh giống cây trồng tại thời điểm đó áp dụng theo Luật Doanh nghiệp năm 2005, quy định quy trình như sau: Doanh nghiệp => đăng ký => kinh doanh. Theo đó, với quy định này, có thể thấy rằng tâm lý chạy theo xu

thể nhất thời được thể hiện rất rõ. Nhiều doanh nghiệp đã đăng ký rất nhiều ngành, nghề kinh doanh thuộc các lĩnh vực khác nhau mà không có bất cứ sự liên quan, hỗ trợ gì cho nhau. Xét về luật thì việc đăng ký này không vi phạm pháp luật nhưng trên thực tế, xu hướng này cho thấy những doanh nghiệp đó chưa có chiến lược xuyên suốt, đăng ký ngành, nghề kinh doanh theo kiểu "đi câu". Một doanh nghiệp nhỏ và vừa khó có thể vừa sản xuất kinh doanh dệt may lại đồng thời hoạt động kinh doanh bất động sản, khai thác mỏ quặng, kiêm vận tải đường sắt, đường bộ, đường không, kinh doanh dịch vụ văn phòng, kinh doanh giống cây trồng và nhiều lĩnh vực khác nữa...

Nguyên nhân của việc những việc như trên có nhiều nhưng có lẽ phải kể đến văn hóa kinh doanh của chúng ta chưa hình thành rõ nét. Nhìn lại bối cảnh lịch sử, sau đổi mới chúng ta mới có đội ngũ doanh nghiệp ngoài quốc doanh, "già" lắm thì cũng đến 30 tuổi, có đến gần 80% là từ 1 đến 10 tuổi, "non trẻ" nên nhất định còn phải học hỏi nhiều, vấp vấp nhiều. Về phía nhà nước, việc xóa bỏ cơ chế tiền kiểm là nên nhưng khâu hậu kiểm còn rất nhiều vấn đề. Một trong những nguyên tắc của hậu kiểm là: Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phải được phân định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

Luật Doanh nghiệp 2014 đã làm rõ bản chất của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo hướng đây là "giấy khai sinh ra doanh nghiệp", không phải là "giấy phép kinh doanh", thống nhất cơ quan đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp của nhà đầu tư trong nước. Theo đó, cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện đăng ký kinh doanh đối với cả doanh nghiệp của nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài. Nội dung

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đăng ký doanh nghiệp) không ghi ngành, nghề kinh doanh. Doanh nghiệp được tự do kinh doanh những ngành, nghề Luật không cấm. Doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo ngành, nghề kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi để cập nhật trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và thực hiện hoạt động quản lý nhà nước. Thủ tục đăng ký kinh doanh chỉ áp dụng thủ tục đăng ký khi thay đổi nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ), các nội dung còn lại áp dụng thủ tục thông báo.

Từ những phân tích trên cho thấy, việc quy định điều kiện có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống cây trồng là không cần thiết, vì khi tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh nói chung, kinh doanh giống cây trồng nói riêng cần phải thực hiện các quy định có liên quan trong đó có pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện này nên được lược bỏ trong dự thảo Luật Trồng trọt, để tổ chức, cá nhân tự quyết định hình thức, phương thức kinh doanh của mình (ví dụ, loại hình thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc chỉ là cá nhân kinh doanh không cần đăng ký...)

*** Điều kiện về quy hoạch**

Điều kiện này ở Điều 36 Pháp lệnh giống cây trồng quy định như sau: *“Có địa điểm sản xuất giống cây trồng phù hợp với quy hoạch của ngành Nông nghiệp, ngành Thủy sản và phù hợp với yêu cầu sản xuất của từng loại giống, từng cấp giống; bảo đảm tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và pháp luật về thủy sản”* (đối với tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng chính), *“Có địa điểm kinh doanh và cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với việc kinh doanh từng loại giống, từng cấp giống”* (đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng chính). Có thể thấy, quy định trên là khá chung chung, chủ yếu dẫn chiếu đến các tiêu chuẩn môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm

2005, pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và pháp luật về thủy sản. Song, Luật Thủy sản năm 2003 và văn bản hướng dẫn không có nội dung nào quy định liên quan đến giống cây thủy sinh. Hơn nữa, Quyết định số 150/2005/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản cả nước đến năm 2010 và tầm nhìn 2020, nay là Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 cũng không có nội dung nào phê duyệt chi tiết quy hoạch vùng này, khu vực hay tỉnh nào phải có bao nhiêu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh giống cây trồng. Với điều kiện này vô tình làm khó cho doanh nghiệp trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh (vì phải duy trì các điều kiện kinh doanh nêu trên) cũng như gây khó khăn cho cơ quan thanh tra, kiểm tra.

Ngoài ra, Luật Quy hoạch năm 2017 quy định hệ thống quy hoạch quốc gia bao gồm: Quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng; Quy hoạch tỉnh; Quy hoạch đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; và Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn. Quy hoạch tổng thể quốc gia là cơ sở để lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên cả nước. Quy hoạch ngành quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Quy hoạch vùng phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia. Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Với những quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, ngành nông nghiệp sẽ không có quy hoạch riêng lẻ, độc lập như quy định tại Điều 36 Pháp lệnh giống cây trồng.

Do đó, để phù hợp với quy định mới, điều kiện liên quan đến quy hoạch cần được xem xét lược bỏ nhằm loại bỏ những điều kiện không cần thiết gây cản trở cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

* Điều kiện về phù hợp với yêu cầu sản xuất của từng loại giống, từng cấp giống (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng chính)

Hiện nay, yêu cầu sản xuất của từng loại giống, từng cấp giống được ban hành dưới dạng Tiêu chuẩn Việt Nam. Triển khai thi hành Pháp lệnh giống cây trồng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng 54 Quy chuẩn kỹ thuật, 22 quy chuẩn đang được xây dựng, 21 TCVN, 16 TCVN đang được hoàn thiện (chi tiết tại Phụ lục 02). Mặc dù vậy, *“tiêu chuẩn là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này. Tiêu chuẩn do một tổ chức công bố dưới dạng văn bản để tự nguyện áp dụng”* (khoản 1 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật năm 2006). Nếu xét về bản chất, việc “tự nguyện” áp dụng – quy định ở tiêu chuẩn khác hoàn toàn ở quy định về điều kiện – tức là bắt buộc tuân thủ và áp dụng. Đồng thời, với khối lượng quá lớn các TCVN như trên, doanh nghiệp biết và tuân thủ đúng được các quy định này là khó đảm bảo.

* Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật (đối với tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng chính).

Tổ chức, cá nhân khi sản xuất giống cây trồng chính phải có cơ sở vật chất và trang, thiết bị kỹ thuật phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất từng loại giống, từng cấp giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản ban hành. Tuy nhiên, thực tế thời gian qua, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hay Bộ Thủy sản trước đây chưa ban hành bất kể văn bản quy phạm pháp luật nào để hướng dẫn thi hành nội dung này của pháp lệnh. Do đó, nếu đánh giá ở góc độ thực thi pháp luật, quy định này là không khả thi.

* Điều kiện về nhân lực

Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng chính, pháp lệnh yêu cầu điều kiện “*Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đã được đào tạo về kỹ thuật trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ thực vật*”; đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh giống cây trồng chính, yêu cầu “*Có nhân viên kỹ thuật đủ năng lực nhận biết loại giống kinh doanh và nắm vững kỹ thuật bảo quản giống cây trồng; Có hoặc thuê nhân viên kiểm nghiệm, thiết bị kiểm nghiệm chất lượng các loại giống kinh doanh*”. Quy định vô ý đã làm khó cho doanh nghiệp vì hiện nay trên thực tế chưa xác định và cũng chưa có cơ quan, đơn vị nào có trách nhiệm đào tạo, cấp chứng chỉ hay xác nhận đã đào tạo nhân viên có kỹ thuật về kỹ thuật trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ thực vật (trừ các trường đại học có chức năng đào tạo chuyên ngành nông nghiệp). Hoặc thế nào được coi là nắm vững kỹ thuật bảo quản giống cây trồng, khả năng nhận biết loại giống kinh doanh cũng chưa có tiêu chí để đánh giá. Trong thực tế, nhiều trường hợp chưa hề qua các trường lớp đào tạo nào nhưng bằng kinh nghiệm sản xuất, khả năng nhạy bén trong kinh doanh cũng có thể phân biệt rõ ràng từng loại giống và có những phương pháp bảo quản giống đặc thù của từng địa phương, từng vùng. Ngoài ra, phần lớn các công ty, đơn vị sản xuất giống đều có bộ phận kiểm tra chất lượng. Mặc dù nguồn nhân lực của hầu hết các đơn vị này đã được đào tạo nhưng nhìn chung thì năng lực về thiết bị kiểm nghiệm còn thiếu.

* Điều kiện khác quy định khá chung chung như đảm bảo tiêu chuẩn môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về bảo vệ kiểm dịch thực vật và pháp luật về thủy sản

Như vậy, theo đánh giá, các điều kiện đầu tư kinh doanh còn bất hợp lý, làm hạn chế gia nhập thị trường, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh, năng suất lao động của doanh nghiệp, tạo kẽ hở cho hành vi nhũng nhiễu. Những điểm yếu của Pháp lệnh giống cây trồng (quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh giống

cây trồng chính), của hệ thống quy định về ĐKKD nói chung đang gây ra nhiều hệ lụy cho nền kinh tế. Cụ thể là:

Thứ nhất, các ĐKKD đang tạo ra rào cản bất hợp lý đối với đầu tư, gia nhập thị trường, làm hạn chế số lượng doanh nghiệp đăng ký mới, làm nản lòng các doanh nghiệp đang hoạt động. Có thể nói, sự bất hợp lý của ĐKKD là một trong những lý do chính khiến nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, tạm ngừng kinh doanh sau một thời gian hoạt động. Nhiều nhà đầu tư tiềm năng đã phải từ bỏ ý định kinh doanh sau khi tìm hiểu quy định pháp luật về ĐKKD. Lý do là quy định về ĐKKD thường yêu cầu phải có cơ sở vật chất và trang thiết bị lớn, đòi hỏi nhiều bằng cấp và kinh nghiệm, đòi hỏi phải kinh doanh theo một phương thức nhất định...

Thứ hai, các ĐKKD đang làm giảm cạnh tranh thị trường. Do các yêu cầu, điều kiện ngặt nghèo các nhà đầu tư tiềm năng không thể gia nhập thị trường, không tạo ra áp lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, các ĐKKD thường gắn với hàng hóa, dịch vụ của một đơn vị công lập hoặc được Nhà nước chỉ định, tạo ra lợi thế độc quyền, cản trở các nhà đầu tư tham gia cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Ví dụ điển hình là các yêu cầu phải được đào tạo và cấp chứng chỉ bởi cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước.

Thứ ba, các điều kiện kinh doanh đang làm giảm động lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Nhiều điều kiện kinh doanh bắt buộc doanh nghiệp phải kinh doanh theo một phương thức nhất định, phải sử dụng một loại công nghệ nhất định, phải thành lập một loại doanh nghiệp nhất định. Các quy định của ĐKKD thường mô tả chi tiết, cứng nhắc cách thức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, các doanh nghiệp không có không gian để đổi mới, sáng tạo, tạo ra nhu cầu mới, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng tốt hơn, góp phần nâng cao tiềm năng và chất lượng tăng trưởng.

Thứ tư, nhiều ĐKKD đang làm giảm năng suất và giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế. Nhiều ĐKKD làm tăng chi phí không cần thiết

cho doanh nghiệp, làm giảm giá trị gia tăng doanh nghiệp có thể tạo ra, qua đó làm giảm năng suất và sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Quy định của ĐKKD khiến cho lãnh đạo doanh nghiệp Việt Nam mất nhiều thời gian để tìm hiểu quy định, tiếp xúc với cán bộ nhà nước để tuân thủ pháp luật hoặc tránh bị phạt, không có thời gian nâng cao chất lượng quản lý doanh nghiệp, tìm kiếm phương thức cạnh tranh mới hiệu quả hơn. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam có năng suất thấp và không cạnh tranh được.

Thứ năm, nhiều ĐKKD tạo ra rủi ro lớn cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Nhiều giấy phép kinh doanh có thời hạn ngắn, khiến doanh nghiệp khó dự liệu cho tương lai, không muốn đầu tư lớn. Nhiều ĐKKD yêu cầu phải phù hợp với quy hoạch trong khi Nhà nước chưa có quy hoạch và quy hoạch có nhiều thay đổi.

Thứ sáu, nhiều ĐKKD không rõ ràng, tạo ra cơ hội cho sự tùy tiện trong quản lý nhà nước và sự nhũng nhiễu của một số cán bộ. Nhiều điều kiện đầu tư kinh doanh được quy định chung chung, không rõ ràng, không cụ thể, ví dụ như: “rõ ràng”, “phù hợp”, “đủ”, “sạch sẽ”, “thoáng mát”, “có đủ”, “thuận tiện”, “thích hợp”, “có đạo đức tốt”, “đủ sức khỏe”, v.v. Những điểm không rõ ràng này chính là cơ sở để một số cán bộ vòi vĩnh doanh nghiệp, gây ra chi phí phi chính thức lớn cho doanh nghiệp.

2.4. Một số nhận xét, đánh giá

** Sự quan tâm của các cấp lãnh đạo trong công tác xây dựng văn bản chưa chú trọng:*

Một thực tế đặt ra hiện nay là lãnh đạo một số bộ, ngành có trách nhiệm soạn thảo các quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò then chốt của công tác xây dựng văn bản QPPL, cho nên chưa dành thời gian thích đáng và tâm sức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, đa phần tập trung vào việc quản lý chuyên ngành, giải quyết sự vụ và chỉ đạo sản xuất. Một số nhà lãnh đạo chưa nhận thức được

rằng để quản lý tốt chuyên ngành thì cần xây dựng hệ thống pháp luật mang tính khả thi, đồng bộ, hợp lý. Văn bản pháp luật chính là công cụ để cơ quan nhà nước thực thi và thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành của mình. Hơn ai hết, nhà lãnh đạo nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng pháp luật, bản thân họ mới chỉ đạo và “truyền lửa“ cho chính đội ngũ cán bộ của mình thực hiện tốt nhiệm vụ; lãnh đạo đơn vị chưa đích thân trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng pháp luật và chưa coi đó là ưu tiên hàng đầu trong công tác lãnh đạo, điều hành của mình thì công tác xây dựng văn bản pháp luật vẫn chưa dành được quan tâm thích đáng.

Việc chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới cũng có phần chưa quyết liệt, thường xuyên, liên tục ngay từ khâu đầu đến khâu cuối của quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL. Việc xây dựng và thực hiện quy trình ban hành văn bản của một số đơn vị chậm được đổi mới và chưa tăng cường tính kỷ luật, kỷ cương;

Sự phối hợp giữa cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL về điều kiện kinh doanh giống cây trồng còn thiếu chặt chẽ và đồng bộ. Cơ quan chủ trì soạn thảo còn xem nhẹ việc lấy ý kiến và tiếp thu nghiêm túc ý kiến tham gia rộng rãi của các đối tượng chịu sự điều chỉnh của văn bản, cũng như của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, của cộng đồng doanh nghiệp.

** Tổ chức, bộ máy và nguồn nhân lực:*

Chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị thuộc bộ còn chồng chéo, trùng lặp. Sự phối hợp giữa các đơn vị chưa chặt chẽ ngay từ khâu xây dựng văn bản pháp luật; năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều.

Sự thay đổi của các văn bản pháp luật liên quan đến hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về điều kiện kinh doanh, đầu tư, doanh nghiệp, quy hoạch quá nhanh, dẫn đến tình trạng văn bản vừa ban hành đã phải ngay lập tức sửa đổi để phù hợp với quy định mới, chính sách mới. Điển hình là Luật Quy hoạch năm

2017 được thông qua thì ngay lập tức các Luật khác đã phải sửa đổi để phù hợp với Luật Quy hoạch (trong đó, phải kể đến Luật Thủy lợi cũng được thông qua ở kỳ họp trước nhưng cùng năm). Hoặc Luật Đầu tư được ban hành thì các Bộ, ngành phải sửa đổi...văn bản để phù hợp với Luật Đầu tư...

Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về giống cây trồng nói riêng, trồng trọt nói chung ở địa phương còn hồng rất lớn ở cấp huyện và cấp xã. Hầu hết ở cấp xã không có tổ chức tham mưu quản lý nhà nước về giống cây trồng. Do vậy về tổ chức và nhân sự quản lý nhà nước về trồng trọt ở các cấp (tỉnh, huyện) đang mất cân đối lớn giữa yêu cầu quản lý nhà nước với nguồn nhân lực hiện có.

Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ, chuyên gia về xây dựng văn bản pháp luật đã không ngừng được đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao. Tuy nhiên đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác soạn thảo văn bản QPPL về điều kiện kinh doanh giống cây trồng vừa thiếu, vừa hạn chế về kinh nghiệm, trình độ và tính chuyên nghiệp. Một thực tế đặt ra là có những người có trình độ chuyên môn nhưng lại thiếu kỹ năng về soạn thảo văn bản và ngược lại có những người có kỹ năng về soạn thảo nhưng lại yếu về trình độ chuyên ngành (chuyên sâu). Đó là một nghịch lý đối với việc xây dựng pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng nói riêng và pháp luật về các ngành khác nói chung.

** Kinh phí xây dựng*

Một trong những yếu tố góp phần quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng của việc xây dựng văn bản về điều kiện kinh doanh giống cây trồng hiện nay là nguồn kinh phí. Vì văn bản muốn xây dựng tốt không chỉ sử dụng kiến thức trên bàn giấy mà phải có nguồn kinh phí để những người trực tiếp xây dựng văn bản đi khảo sát thực tế tại địa phương, lấy ý kiến các chuyên gia, hội thảo... Nguồn kinh phí dành cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT - BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

vẫn còn ở mức thấp. Với kinh phí tối đa cho xây dựng một Nghị định của Chính phủ là 40 triệu đồng/dự thảo văn bản có nội dung ít phức tạp, chỉ lấy ý kiến tham gia của một số bộ, ngành trung ương và 60 triệu đồng/dự thảo văn bản có nội dung phức tạp, phải lấy ý kiến tham gia của nhiều bộ, ngành trung ương, đoàn thể và địa phương. Trường hợp dự thảo nghị định phải tổ chức họp lấy ý kiến rộng rãi, nhiều lần với phạm vi rộng, thì mức phân bổ kinh phí do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo, xây dựng quyết định trong phạm vi dự toán ngân sách chi thường xuyên được giao và kinh phí dành chi xây dựng 01 Thông tư là không quá 30 triệu đồng dẫn đến chất lượng văn bản khi ban hành còn hạn chế. Trong khi đó, nguồn kinh phí dành cho các hoạt động chuyên ngành khác rất được chú trọng.

Không những trong công tác xây dựng văn bản mà trong công tác tổ chức thực hiện pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng trong thực tế cũng chưa đáp ứng được yêu cầu. Nguồn kinh phí của việc thực thi các văn bản quy phạm pháp luật nói chung thời gian vừa qua đang ở trong tình trạng chấp vá, huy động từ nhiều nguồn khác nhau để thực hiện, hoặc phải thực hiện nhiều nội dung trên cùng một dòng kinh phí.

** Tuyên truyền phổ biến*

Một trong những lý do dẫn đến việc tổ chức thực thi, triển khai các văn bản về quản lý điều kiện kinh doanh giống cây trồng thời gian qua còn nhiều hạn chế chính là công tác tuyên truyền, giáo dục, đưa pháp luật vào cuộc sống. Đây được xem là một trong những nội dung hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, song thực tế việc bố trí, đảm bảo các nguồn lực cho hoạt động trên hầu như chưa được thực sự quan tâm. Nhiều nơi, nhiều lúc còn thực hiện tuyên truyền mang tính chất đối phó. Mặt khác, sự phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT với các Bộ, Ngành trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến điều kiện kinh doanh giống cây trồng còn chưa được chặt chẽ, đồng bộ, chưa có kế hoạch dài hạn và hàng năm về công tác phổ biến giáo dục pháp luật. Trong các đợt đi kiểm

tra tình hình thực hiện pháp luật thời gian qua cho thấy, các địa phương thiếu cán bộ chuyên trách, thiếu cơ sở vật chất kỹ thuật và quan trọng hơn là thiếu các cơ chế chính sách, tạo điều kiện cho đội ngũ tuyên truyền viên thực hiện đảm bảo hiệu quả.

* Điều đáng nói là hiểu biết về pháp luật của nhiều cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp về khung khổ pháp lý cũ cũng còn yếu, đến nay, với Luật mới, càng hạn chế hơn do có nhiều cải cách mạnh mẽ về pháp lý. Thực tế đó dẫn đến nhiều hậu quả, ví dụ như việc doanh nghiệp căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được cấp (mà nay là Giấy xác nhận ngành nghề) để giải thích rằng do phòng đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp nên doanh nghiệp được hoạt động trong các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đó. Khi doanh nghiệp vi phạm quy định pháp luật trong các lĩnh vực khác như môi trường, y tế, giáo dục... thì phòng đăng ký kinh doanh phải chịu trách nhiệm liên đới. Không những thế, điều đáng nói và nguy hại hơn là dường như rất nhiều người thấy doanh nghiệp vi phạm về điều kiện kinh doanh thì không biết phản ánh với cơ quan nhà nước nào để được xử lý. Thậm chí, có trường hợp giám đốc doanh nghiệp cho biết doanh nghiệp được đăng ký ngành nghề thu gom, tái chế phế liệu, phế thải rồi, thế là hợp lệ, hợp pháp rồi, đương nhiên doanh nghiệp được thực hiện thu gom, tái chế phế liệu, phế thải mà không bị hạn chế, quản lý bởi các quy định và cơ quan quản lý khác. Tất nhiên, cơ quan đăng ký kinh doanh cũng sẽ giải thích được nhận thức đó là không đúng nhưng những hạn chế về nhận thức này làm mất nhiều thời gian của các bên và tạo nên bức xúc cho nhiều người, thậm chí một số báo chí cũng lên tiếng phê phán những cách hiểu sai về quy định pháp luật.

Tiêu kết: Bằng việc phân tích các kết quả đạt được (về chủ thể, khách thể, nội dung quan hệ pháp luật) của quan hệ pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng, những tồn tại, hạn chế (cả trên phương diện về mặt văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện kinh doanh giống cây trồng cũng như thực

tiến triển khai các quy định này), tác giả mong muốn đưa ra bức tranh tổng quát về hiện trạng pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở đó, phân tích các nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, từ đó, đưa ra những đề xuất kiến nghị góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng tại Chương III.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH GIỐNG CÂY TRỒNG TẠI VIỆT NAM

3.1. Quan điểm và yêu cầu hoàn thiện pháp luật về kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về kinh doanh giống cây trồng phải dựa trên các quan điểm có tính nguyên tắc của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân

Đảng cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội Việt Nam. Thông qua hoạt động xây dựng pháp luật, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng được thể chế hóa thành pháp luật, được đưa vào cuộc sống một cách thống nhất. Bản chất của pháp luật là thể hiện ý chí của giai cấp thống trị, ý chí của Nhà nước. Trong đó, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân. Do đó, khi xây dựng, hay hoàn thiện bất kỳ hệ thống pháp luật nào ở Việt Nam đều phải dựa trên quan điểm, nguyên tắc hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước xã hội chủ Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Định hướng phát triển trồng trọt đã được Đảng ta xác định rõ tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn là “Phát triển ngành trồng trọt, hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung, thực hiện đầu tư thâm canh, áp dụng các giống và quy trình sản xuất mới có năng suất, chất lượng cao; hoàn thiện hệ thống tưới tiêu; đẩy nhanh cơ giới hoá đồng bộ các khâu sản xuất; hiện đại hoá công nghiệp bảo quản, chế biến, nâng cao chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và giá trị gia tăng của nông sản hàng hóa. Bố trí lại cơ cấu cây trồng, mùa vụ và giống để giảm thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh phù hợp với điều kiện của từng vùng. Tiếp tục đẩy mạnh thâm canh sản xuất lúa,

nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng. Đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài và ưu tiên hàng đầu trong phát triển nông nghiệp. Có chính sách bảo đảm lợi ích cho người trồng lúa, địa phương và vùng trồng lúa. Xây dựng các vùng sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa hàng hoá tập trung, trước hết là các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu”.

Đường lối, chủ trương của Đảng cũng đã được thể hiện trong Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ, trong đó nêu rõ ưu tiên phát triển bền vững bao gồm “đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản, đặc biệt là ứng dụng công nghệ sinh học để tạo nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất đạt năng suất, chất lượng cao”.

Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 với mục đích cải thiện môi trường kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; theo đó, trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn cần cải cách toàn diện quy định về quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyên ngành, rà soát, đánh giá, đề xuất bãi bỏ ít nhất từ 1/3 đến 1/2 số điều kiện kinh doanh hiện hành và thủ tục hành chính đang gây cản trở, khó khăn cho hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp để thực hiện chủ trương cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp, thúc đẩy đầu tư, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế; Thay đổi căn bản phương thức quản lý, kiểm tra chuyên ngành, thực hiện trên cơ sở nguyên tắc quản lý rủi ro; dựa trên mức độ tuân thủ của doanh nghiệp; tăng cường việc công nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp; đẩy mạnh việc xã hội hóa công tác khảo nghiệm, kiểm nghiệm các mặt hàng phải kiểm tra chuyên ngành; điện tử hoá thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành.

Ngày 10/6/2013 Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong đó định hướng “Tái cơ cấu trồng trọt theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng, miền. Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến sâu và bảo quản sau thu hoạch theo hướng hiện đại, nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm”.

Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phê duyệt Đề án phát triển ngành Trồng trọt đến năm 2020 theo Quyết định số 824/QĐ-BNN-TT ngày 16/4/2012 với mục tiêu “Phát triển ngành trồng trọt theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn; tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong nước và xuất khẩu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nước, lao động và nguồn vốn; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân”.

Để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước đối với ngành trồng trọt cần phải xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phù hợp, xuyên suốt theo chuỗi sản xuất từ sử dụng tài nguyên, vật tư đầu vào; sử dụng nguồn lực lao động; quản lý quy hoạch, kế hoạch; xây dựng và bảo vệ các hệ thống canh tác bền vững; thu hoạch, bảo quản, chế biến và liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về kinh doanh giống cây trồng phải đảm bảo phân định rõ vai trò và trách nhiệm quản lý của các cơ quan quản lý về trồng trọt từ Trung ương xuống địa phương với các cơ quan nhà nước có liên quan

Để đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực nhất thiết phải quán triệt nguyên tắc một cơ quan có thể được giao nhiều nhiệm vụ và một nhiệm vụ không giao cho nhiều cơ quan chủ trì thực hiện. Nguyên tắc này tránh việc đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước với nhau, tránh sự chồng chéo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ. Do đó, hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật về kinh doanh giống cây trồng nói riêng phải đảm bảo đúng quan điểm và yêu cầu này.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về kinh doanh giống cây trồng trên cơ sở kế thừa, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật về trồng trọt

Hiện nay hệ thống văn bản pháp luật ngành trồng trọt đã được ban hành nhưng chưa đáp ứng đầy đủ cho phát triển sản xuất. Trong lĩnh vực trồng trọt mới có hai văn bản Luật về quản lý giống cây trồng và phân bón. Quản lý giống cây trồng được điều chỉnh bởi Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004. Sau hơn 10 năm thực hiện Pháp lệnh giống cây trồng đã góp phần quan trọng vào phát triển sản xuất trồng trọt. Tuy nhiên đến nay những văn bản này đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập cần phải sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tiễn phát triển trồng trọt. Trong thời gian gần đây Quốc hội đã ban hành Hiến pháp năm 2013 và nhiều Luật mới dẫn tới một số điều quy định trong Pháp lệnh giống cây trồng không phù hợp cần phải sửa đổi, bổ sung.

Các hoạt động quản lý khác trong trồng trọt như sản xuất, kinh doanh giống cây trồng đồng thời cũng được điều chỉnh bởi một số luật như Luật Đầu tư năm 2014, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Luật Bảo tồn đa dạng sinh học năm 2009; Luật Dược năm

2016, Luật Công nghệ cao năm 2008. Tuy nhiên, các luật này mới đề cập đến các quy định chung để áp dụng cho nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau. Thực tế sản xuất của ngành trồng trọt đòi hỏi cần cụ thể hóa các quy định của các luật này để đạt được sự phù hợp và có tính khả thi khi áp dụng vào thực tế của ngành.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng của các quy định pháp luật hiện hành về điều kiện kinh doanh giống cây trồng nhận thấy rằng các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đã lạc hậu và rất nhiều bất cập cần phải sửa đổi, bổ sung. Một số lĩnh vực quản lý chưa được đề cập trong các văn bản luật hoặc được điều chỉnh một phần trong các văn bản luật liên quan nhưng chưa cụ thể và phù hợp với đặc thù của ngành trồng trọt.

Quy định về quản lý điều kiện kinh doanh giống cây trồng cần phải kế thừa và pháp điển hóa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh giống cây trồng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Đồng thời bổ sung những quy định mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn, luật hóa một số quy định trong các văn bản dưới luật nhằm tăng giá trị pháp lý của các quy định này; dựa trên cơ sở khoa học và kinh nghiệm thực tiễn của ngành trồng trọt; đơn giản hóa các thủ tục hành chính theo quan điểm quy định chi tiết, minh bạch, đơn giản. Cần đơn giản hóa các thủ tục hành chính để đưa nhanh các giống tốt, vật tư nông nghiệp vào sản xuất; nhằm mục tiêu thực hiện cải cách hành chính, hội nhập quốc tế đảm bảo có hiệu quả. Ngoài ra, xây dựng chính sách để phát triển ngành trồng trọt theo hướng hiện đại; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên; phát triển sản xuất hàng hóa tập trung trên cơ sở liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu và quản lý trồng trọt theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, sản xuất có chứng nhận.

3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng phải bảo đảm yêu cầu về hội nhập quốc tế

Hiện nay, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào kinh tế thế giới nên pháp luật của Việt Nam phải đảm bảo tính tương thích với pháp luật quốc tế. Do đó,

các quy định pháp luật trong nước phải đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế. Cần thiết phải tiến hành nội luật hóa các quy định của các điều ước quốc tế. Pháp luật về trồng trọt nói chung, về điều kiện kinh doanh giống cây trồng nói riêng cũng không phải là ngoại lệ.

Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam đã ký kết hàng loạt các Hiệp định như các Hiệp định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), Khu mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA), đặc biệt khi Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (như CPTPP) thì lĩnh vực trồng trọt nói chung, kinh doanh giống cây trồng nói riêng cần được tạo lợi thế cạnh tranh, cần có hành lang pháp lý thuận lợi để phát triển, phù hợp với các điều ước quốc tế, đáp ứng quá trình hội nhập.

Về mặt hệ thống, trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn hiện đã có các luật như: Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013, Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013, Luật Thú y năm 2015 và một số văn bản luật đã được trình Quốc hội thông qua năm 2017 như Luật Thủy sản, Luật Thủy lợi, Luật Lâm nghiệp. Do vậy để đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý của ngành thì cần xây dựng và ban hành Luật Trồng trọt và các nội dung liên quan đến quản lý giống cây trồng, trong đó có các điều kiện kinh doanh giống cũng cần được xem xét, nghiên cứu để quy định trong luật này.

3.2. Đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam

3.2.1. Những đề xuất, kiến nghị sửa đổi quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng khi xây dựng Luật Trồng trọt

Hiện nay đang nảy sinh một mâu thuẫn cần phải giải quyết gấp rút và triệt để trong lĩnh vực điều kiện kinh doanh nói chung là: cơ quan nhà nước thì luôn bị người dân và cộng đồng doanh nghiệp kêu là đề ra quá nhiều điều kiện kinh doanh cho dễ quản lý nhưng thực chất vẫn không nắm được tình hình chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, để doanh nghiệp muốn làm gì thì làm.

Thêm vào đó, không ít doanh nghiệp phản ánh rằng hiện nay có quá nhiều điều kiện kinh doanh, giấy phép... rất khó để doanh nghiệp tìm hiểu, tuân thủ và chấp hành đầy đủ. Việc xin được đầy đủ các điều kiện kinh doanh cũng không đơn giản. Giải pháp ở đây là, cùng với việc chủ động, tích cực cắt giảm các điều kiện kinh doanh không cần thiết, Nhà nước cần công bố thật rõ ràng, minh bạch các điều kiện kinh doanh bắt buộc phải duy trì, không thể xóa bỏ được để doanh nghiệp chủ động tiếp cận, cân đối năng lực và mức độ phù hợp của doanh nghiệp để đáp ứng các điều kiện kinh doanh đó; tránh tình trạng xin - cho, rắc rối, phức tạp thường thấy khi tiếp cận các điều kiện kinh doanh. Cần phải thấu hiểu là đặt ra các điều kiện kinh doanh chính là góp phần làm cho doanh nghiệp kinh doanh được lĩnh vực đó, làm cho doanh nghiệp phát triển bền vững. Dự thảo Luật Trồng trọt đang được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu trình Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến lần thứ nhất vào tháng 5/2018, dự kiến thông qua tại kỳ họp tháng 10/ 2018. Qua phân tích thực trạng các quy định liên quan đến điều kiện kinh doanh giống cây trồng, tác giả xin đề xuất một số nội dung cần phải thể chế ở Luật trồng trọt để quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng ngày càng hiệu quả hơn.

Thứ nhất, về quản lý chất lượng giống cây trồng: (1) Điều chỉnh Danh mục giống cây trồng chính theo hướng đưa các giống cây trồng quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến kinh tế, xã hội, giá trị và hiệu quả kinh tế cao để quản lý chặt chẽ từ nghiên cứu, khảo nghiệm, công nhận, phát triển vào sản xuất và quản lý chất lượng nhóm giống cây trồng này; (2) Quản lý Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh: rà soát và phân loại nhóm cây trồng đang được sản xuất kinh doanh và phân làm các nhóm sau: Danh mục giống cây trồng không còn tồn tại trong sản xuất; Danh mục giống cây trồng đang được sản xuất, kinh doanh chủ yếu trong sản xuất và Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh nhưng quy mô nhỏ hơn và mang tính chất đặc thù.

Thứ hai, về quản lý về khảo nghiệm, công nhận giống cây trồng: (1) Quy định về công nhận giống cây trồng nông nghiệp mới theo hướng nâng cao chất lượng khảo nghiệm, quản lý chặt chẽ hơn công tác giống cây trồng, hạn chế việc công nhận nhiều giống, nhưng thiếu giống thực sự tốt trong sản xuất. Quy định rõ điều kiện của cơ sở khảo nghiệm và phương pháp khảo nghiệm giống cây trồng mới. Đồng thời, rà soát, loại bỏ và bổ sung các giống cây trồng cần phải quản lý chặt chẽ để đưa vào hệ thống khảo nghiệm quốc gia, công nhận giống và quản lý chất lượng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia (nhóm cây trồng chính); (2) Điều kiện công nhận giống cây trồng cần có các tiêu chí cụ thể, chặt chẽ về năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất thuận nhằm hạn chế tình trạng công nhận quá nhiều giống nhưng hiệu quả chưa cao. Tăng cường quản lý những giống cây trồng không thuộc nhóm cây trồng chính đảm bảo hiệu quả sản xuất. Sửa đổi các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến công tác khảo nghiệm, công nhận giống cây trồng giúp cơ quan quản lý, các đơn vị sản xuất, kinh doanh giống cây trồng quản lý tốt công tác giống cây trồng.

Thứ ba, về quản lý chất lượng giống và sản xuất kinh doanh giống cây trồng: (1) Sửa đổi các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến công tác chứng nhận chất lượng giống cây trồng phù hợp với điều kiện sản xuất; (2) Ban hành quy định cụ thể điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng làm cơ sở kiểm tra, xử lý; hạn chế tình trạng có quá nhiều đơn vị sản xuất, kinh doanh giống như hiện nay; từng bước tiến tới sản xuất giống phải có giấy phép đủ điều kiện. Việc quy định rõ ràng điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng tạo điều kiện quản lý chặt chẽ chất lượng giống cây trồng đảm bảo nguồn giống cây trồng có chất lượng tốt, hạn chế tình trạng giống giả, giống kém chất lượng được lưu thông trên thị trường gây thiệt hại cho sản xuất. Theo đó, cần lược bỏ những điều kiện không cần thiết, không liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như điều kiện về giấy phép kinh doanh, điều kiện về địa điểm, điều kiện về quy hoạch. Các điều kiện còn lại như về

nhân lực, trang thiết bị cần quy định cụ thể, chi tiết hoặc ủy quyền cấp Chính phủ quy định chi tiết các điều kiện này.

3.2.2. Những đề xuất, kiến nghị khác có liên quan đến điều kiện kinh doanh giống cây trồng

Một là, xã hội hóa việc quản lý giống theo phương hướng tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu chọn tạo giống, nhất là các doanh nghiệp. Lý do là mục tiêu cuối cùng của công tác quản lý giống cây trồng vẫn là cung cấp giống cây trồng chất lượng cao cho người nông dân và hướng đến việc xây dựng các quy định về chứng nhận và cấp phép giống cây trồng. Việc đạt được mục tiêu xã hội hóa này sẽ thu hút đầu tư tư nhân, gia tăng sản xuất một số giống cây trồng được chứng nhận và góp phần tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện sinh kế cho hàng triệu nông dân. Ngoài ra, cũng cần xã hội hóa công tác khảo nghiệm, kiểm nghiệm nhất là khảo nghiệm, kiểm nghiệm những mặt hàng phải kiểm tra chuyên ngành. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác khảo nghiệm, kiểm nghiệm các mặt hàng phải kiểm tra chuyên ngành, về cơ bản hiện nay không có tình trạng độc quyền. Bộ đã công nhận, chỉ định 63 tổ chức đủ điều kiện thực hiện kiểm tra chuyên ngành (*Kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi trên cạn: 10 tổ chức; kiểm tra chất lượng phân bón: 07 tổ chức; kiểm tra an toàn thực phẩm: 31 tổ chức; kiểm tra chất lượng muối: do các phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS thực hiện; kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật: 03 tổ chức; kiểm tra chất lượng máy móc, thiết bị nông nghiệp: 04 tổ chức; kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản: 03 tổ chức; kiểm tra chất lượng thuốc thú y: có 02 tổ chức*). Đối với hoạt động kiểm dịch thực vật, động vật do 19 cơ quan, chi cục vùng thực hiện đảm bảo đáp ứng yêu cầu kiểm soát về dịch bệnh. Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp tục tổ chức rà soát và tạo điều kiện, chỉ định, công nhận mở rộng các tổ chức đủ điều kiện tham gia vào công tác kiểm tra chuyên ngành trong thời gian tới.

Hai là, cần sớm xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia về giống cây trồng để làm cơ sở cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng hoạt động đúng hướng, đúng mục tiêu đồng thời phục vụ công tác quản lý của cơ quan nhà nước cũng như hoạt động thanh tra, kiểm tra. Ngày 30/6/2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 2841/QĐ-BNN-KHCN về phê duyệt Kế hoạch xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia phục vụ quản lý vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm giai đoạn 2018-2020 với tổng số 13 QCKTQG, 127 TCQG theo hướng ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo nhóm sản phẩm thay vì theo từng sản phẩm như trước nay.

3.2.3. Những đề xuất, kiến nghị trong việc tổ chức thực thi các quy định về kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam

** Tăng cường sự quan tâm của Lãnh đạo Bộ, lãnh đạo các đơn vị, nâng cao nhận thức của các cán bộ, công chức trong việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về kinh doanh giống cây trồng .*

Hoàn thiện pháp luật về kinh doanh giống cây trồng đòi hỏi sự đổi mới sâu sắc trong tư duy, nhận thức về tổ chức thực hiện công tác này. Qua những hạn chế, bất cập của công tác xây dựng pháp luật thời gian qua, cần tăng cường công tác chỉ đạo, triển khai cải cách hành chính ngay từ trung ương một cách quyết liệt. Để thực hiện hiệu quả công tác này cần có quyết tâm chính trị của các cấp lãnh đạo cao của Đảng và Nhà nước, của những người đứng đầu các cơ quan xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật về kinh doanh giống cây trồng.

Cần tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của các cấp chính quyền; gắn kết trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong việc thực thi các quy định của pháp luật về kinh doanh giống cây trồng.

Cần chú trọng việc tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện các văn bản hướng dẫn thi hành về kinh doanh giống cây trồng trong thời gian qua và tăng

cường chỉ đạo việc xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về kinh doanh giống cây trồng trong thời gian tới nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật về trồng trọt nói chung, nhất là sau khi Luật Trồng trọt được Quốc hội thông qua.

** Tổ chức bộ máy nhà nước*

Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước chuyên ngành trồng trọt từ Trung ương đến cấp xã. Phân công rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp giữa các Bộ trong công tác quản lý giống, đẩy mạnh phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, từng bước xã hội hóa hoạt độngđồng thời với việc bố trí kinh phí để kiện toàn bộ máy, đầu tư nguồn lực để đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về giống cây trồng.

** Nguồn nhân lực*

Trong thời gian tới cần tiếp tục mở rộng phạm vi đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng xây dựng pháp luật nói chung, pháp luật về kinh doanh giống cây trồng nói riêng tới toàn thể cán bộ, công chức thuộc Bộ, đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức không chỉ giỏi về nghiệp vụ pháp chế mà còn có kiến thức về chuyên ngành giống cây trồng. Vì trong điều kiện hội nhập nói chung, để xây dựng hệ thống pháp luật về trồng trọt cán bộ công chức cần am hiểu về chuyên ngành. Ngoài ra cũng cần đào tạo về ngoại ngữ, tin học. Công tác xây dựng văn bản pháp luật về kinh doanh giống cây trồng trong thời kỳ hội nhập đòi hỏi phải so sánh với các cam kết, hiệp định, điều ước, các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài. Điều này yêu cầu đội ngũ làm công tác xây dựng pháp luật, đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý nhà nước phải có một trình độ ngoại ngữ nhất định để có thể hiểu được những quy định đó.

Tăng cường nguồn kinh phí soạn thảo văn bản QPPL, ưu tiên cho các hoạt động đi khảo sát thực tiễn và tổ chức hội thảo lấy ý kiến rộng rãi của các đối tượng có liên quan.

** Tuyên truyền các quy định về trồng trọt*

Tổ chức tốt việc truyền thông, giáo dục pháp luật về trồng trọt, đặc biệt là những nội dung, tư tưởng mới, quy định mới trong Luật Trồng trọt dự kiến được Quốc hội thông qua vào tháng 10 năm 2018. Từ đó, hình thành ý thức chấp hành pháp luật trồng trọt đặc biệt là những quy định pháp luật về đảm bảo chất lượng giống cây trồng song song với tuyên truyền về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an toàn, an ninh lương thực của quốc gia, hướng đến đưa nước ta trở thành nước sản xuất nông sản sạch của thế giới, tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu.

** Thanh tra, kiểm tra*

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng giống cây trồng, có cơ chế phối hợp hoạt động giữa lực lượng thanh tra nông nghiệp với các cơ quan kiểm tra, kiểm soát khác như: quản lý thị trường, công an kinh tế, kiên quyết không để các giống giả, giống kém chất lượng lưu thông trên thị trường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của bà con nông dân...

Tăng cường công tác giám sát việc xây dựng và thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý chất lượng giống cây trồng. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát sẽ nắm bắt được tình hình thực thi công tác này, đồng thời phát hiện ra những điểm hạn chế, những đơn vị chưa thực hiện tốt, thực hiện đúng để góp ý, nhắc nhở hoặc có ý kiến kiến nghị đến cấp có thẩm quyền nhằm đưa hoạt động này vào quy củ, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Cũng thông qua công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và tuyên dương kịp thời những đơn vị, cá nhân có thái độ tích cực trong phối hợp thực hiện công tác xây dựng pháp luật, đồng thời nhắc nhở cụ thể các đơn vị, cá nhân chưa nghiêm túc thực hiện đúng quy trình, thủ tục, tiến độ xây dựng văn bản QPPL về kinh doanh giống cây trồng để kịp thời chấn chỉnh.

** Hợp tác quốc tế*

Hợp tác quốc tế là một yêu cầu ngày càng bức thiết trước tiến trình mở cửa và hội nhập của đất nước. Do đó, Nhà nước cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, các Trường đại học, các Viện nghiên cứu khoa học liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư nước ngoài để đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt trong việc ứng dụng khoa học công nghệ trong việc lai, chọn tạo giống mới, giống có khả năng kháng bệnh, chống chịu ngập úng...nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về giống cây trồng cho người dân.

Tăng cường quảng bá hình ảnh nông sản Việt Nam, tăng cường vai trò của Hội, Hiệp Hội trong công tác đối ngoại nhân dân.

Tiểu kết: Ở chương này, tác giả phân tích bối cảnh, đưa ra quan điểm hoàn thiện hệ thống pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng và đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật Trồng trọt (đang được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì giúp Chính phủ soạn thảo trình Quốc hội cho ý kiến lần thứ nhất vào tháng 5 năm 2018) cũng như những kiến nghị khác liên quan đến việc tổ chức triển khai thi hành pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng với mong muốn hệ thống pháp luật về điều kiện kinh doanh giống cây trồng ngày càng được hoàn thiện, đồng bộ, thống nhất với các luật khác cũng như có tính khả thi trong thực tiễn.

KẾT LUẬN

Nông nghiệp nông thôn là lĩnh vực đa ngành với 65,49% dân số và 67,95% lao động cư trú trong khu vực nông thôn, trong đó 41,87% sản xuất nông nghiệp vào năm 2016. Trong thời gian qua, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nỗ lực, phối hợp các Bộ ngành, địa phương tái cơ cấu, tiếp tục đổi mới thể chế chính sách, tạo môi trường thuận lợi hơn phát triển sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp. Nhận thức được điều này, Nhà nước ta đã dần xây dựng một hệ thống pháp luật về quản lý chất lượng giống cây trồng, kinh doanh giống cây trồng tương đối đầy đủ và toàn diện, hệ thống pháp luật đó cũng đang được rà soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn sản xuất trong dự thảo Luật Trồng trọt nhằm khắc phục những điểm chưa phù hợp với tình hình phát triển kinh tế đất nước và xu hướng hội nhập quốc tế. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn triển khai thực hiện hệ thống pháp luật này, tác giả đã nghiên cứu, rà soát, đánh giá hệ thống pháp luật về kinh doanh giống cây trồng để tìm ra những hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật này và mong muốn đưa ra một bức tranh tổng quát về pháp luật về quản lý giống cây trồng nói chung ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, đề xuất các giải pháp để hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh doanh giống cây trồng cũng như đóng góp đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này trong thời gian tới.

Có thể nói, nội dung công tác quản lý chất lượng giống cây trồng liên quan rất nhiều đến các yếu tố kỹ thuật, trong khi bản thân có những hạn chế nhất định về lý luận và kinh nghiệm thực tiễn, lại phải xử lý một lượng thông tin lớn có liên quan đến nội dung nghiên cứu, do đó khó tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, kính mong nhận được sự góp ý của các thầy, cô và các bạn học viên để tôi nâng cao nhận thức, tiếp tục nghiên cứu, thảo luận hoàn thiện khóa luận này./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn bản quy phạm pháp luật

1. Công ước về Đa dạng sinh học 1992.
2. Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới năm 1991.
3. Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm năm 1973.
4. Hiệp định về các biện pháp Kiểm dịch động thực vật.
5. Hiệp định thương mại tự do FTA, AFTA, TTP.
6. Hiệp định về Các rào cản kỹ thuật trong thương mại của Tổ chức thương mại thế giới.
7. Luật Doanh nghiệp Mỹ.
8. Luật Doanh nghiệp Singgapo.
9. Luật Doanh nghiệp Trung Quốc.
10. Luật quản lý giống cây trồng Indônêxia.
11. Luật giống cây trồng Canada.
12. Quốc hội (2006), *Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*.
13. Quốc hội (2014), *Luật Đầu tư*.
14. Quốc hội (2014), *Luật Doanh nghiệp*.
15. Ủy ban thường vụ quốc hội (2005), *Pháp lệnh Giống cây trồng*

B. Sách, tạp chí

16. Bách khoa nông nghiệp - Nhà xuất bản Nông nghiệp năm 2007
17. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2017), *Báo cáo tổng kết hoạt động chỉ đạo sản xuất, điều hành năm 2016*.
18. Cục Trồng trọt (2016), *Báo cáo tổng kết hoạt động*.
19. Ngân hàng thế giới (2016), *Báo cáo Tạo thuận lợi cho kinh doanh nông nghiệp*.
20. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nhà xuất bản Công an nhân dân.
21. Từ điển tiếng Việt - Nhà xuất bản Đà Nẵng.

Phụ lục
PHỤ LỤC 01
DANH MỤC VĂN BẢN QPPL LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ
GIỐNG CÂY TRỒNG

T T	Loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản
1.	Luật	50/2005/QH11, ngày 29/11/2005	Luật Sở hữu trí tuệ
2.	Luật	36/2009/QH11, ngày 19/6/2009	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11.
3.	Luật	16/2012/QH13, ngày 21/6/2012	Luật Quảng cáo
4.	Luật	68/2006/QH11, ngày 29/6/2006	Luật Tiêu chuẩn Quy chuẩn
5.	Luật	05/2007/QH12, ngày 21/11/2007	Luật Chất lượng sản phẩm hàng
6.	Luật	20/2008/QH12, ngày 13/ 11/2008	Luật Đa dạng sinh học
7.	Luật	67/2014/QH13, ngày 26/11/2014	Luật Đầu tư
8.	Luật	68/2014/QH13, ngày 26/9/2014	Luật Doanh nghiệp
9.	Luật	36/2005/QH11, ngày 14/6/2005	Luật Thương mại)
10.	Luật	15/2012/QH13, ngày 20/6/2012	Luật Xử lý vi phạm hành chính

11.	Luật	29/2013/QH13, ngày 18/6/2013	Luật Khoa học công nghệ
12.	Luật	80/2006/QH11, ngày 29/11/2006	Luật Chuyển giao công nghệ
13.	Luật	45/2013/QH13, ngày 29/11/2013	Luật Đất đai
14.	Luật	56/2010/QH12, ngày 15/11/2010	Luật Thanh tra
15.	Luật	02/2011/QH13, ngày 11/11/2011	Luật Khiếu nại
16.	Luật	03/2011/QH13, ngày 11/11/2011	Luật Tố cáo
17.	Luật	33/2005/QH11, ngày 14/6/2005	Bộ luật Dân sự
18.	Luật	80/2015/QH13, ngày 22/6/2015	Luật Ban hành văn bản
19.	Pháp lệnh	15/2004/PL- UBTVQH11, ngày 24/3/2004	Pháp lệnh Giống cây trồng
20.	Nghị định	100/2006/NĐ-CP, ngày 21/9/2006	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan
21.	Nghị định	35/2006/NĐ-CP, ngày 31/3/2006	Quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động nhượng quyền thương mại
22.	Nghị định	89/2006/NĐ-CP, ngày 3/9/2006	Nghị định về nhãn hàng hóa
23.	Nghị	127/2007/NĐ-CP,	Quy định chi tiết thi hành một số điều của

	định	ngày 01/8/2007	Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật
24.	Nghị định	88/2010/NĐ-CP, ngày 16/08/2010	Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng
25.	Nghị định	114/2013/NĐ-CP, ngày 03/10/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật
26.	Nghị định	75/2015/NĐ-CP, ngày 09/09/2015	về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020
27.	Nghị định	40/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015	Nghị định 40/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản
28.	Nghị định	157/2013/NĐ-CP, ngày 11/11/2013	Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản
29.	Nghị định	32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006	Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm
30.	Nghị định	127/2007/NĐ-CP, ngày 01/8/2007	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật
31.	Nghị định	67/2009/NĐ-CP, ngày 03/08/2009	Sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính

			phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá
32.	Nghị định	118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư
33.	Nghị định	96/2015/NĐ-CP, ngày 19/10/2015	Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp
34.	Nghị định	187/2013/NĐ-CP, ngày 20/11/2013	Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài
35.	Nghị định	07/2012/NĐ-CP, ngày 09/02/2012	Quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành
36.	Nghị định	47/2015/NĐ-CP, ngày 14/5/2015	Quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành nông nghiệp và PTNT
37.	Quyết định	17/2006/QĐ-TTg ngày 20/01/2006	Tiếp tục thực hiện Quyết định số 225/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 1999 về Chương trình giống cây trồng, giống vật nuôi và giống cây lâm nghiệp đến năm 2010
38.	Quyết định	35/2008/QĐ-TTg ngày 15/02/2008	ban hành về Quy định quản lý sản xuất giống cây trồng nông hộ
39.	Quyết	2194/QĐ-TTg ngày	Về Phê duyệt đề án phát triển giống nông, lâm

	định	25/12/2009	ngiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020
40.	Quyết định	142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009	Về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
41.	Quyết định	39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012	Quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ
42.	Quyết định	11/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013	Cấm xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán mẫu vật một số loài động vật hoang dã thuộc các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
43.	Quyết định	24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012	Chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020
44.	Quyết định	01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012	Về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
45.	Quyết định	49/2012/QĐ-TTg, ngày 08/11/2012	Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định 142/2009/QĐ-TTg Về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
46.	Quyết định	124/2012/QĐ-TTg, ngày 02/02/2012	Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
47.	Quyết định	889/2013/QĐ-TTg ngày 10/6/2013	Phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

48.	Quyết định	62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013	Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn
49.	Thông tư	21/2009/TT-BNN, ngày 24/04/2009	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam”.
50.	Thông tư	33/2009/TT-BNNPTNT, ngày 10/06/2009	Bổ sung loài cây trồng vào Danh mục loài cây trồng được bảo hộ.
51.	Thông tư	40/2009/TT-BNNPTNT, ngày 09/07/2009	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam”.
52.	Thông tư	41/2009/TT-BNNPTNT, ngày 09/07/2009	Quy định về quản lý và sử dụng mẫu giống cây trồng.
53.	Thông tư	42/2009/TT-BNNPTNT ngày 10/07/2009	Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng hạt giống lúa siêu nguyên chủng, nguyên chủng, xác nhận, giống lúa bố mẹ lúa lai và hạt lai F1.
54.	Thông tư	50/2009/TT-BNNPTNT, ngày 18/08/2009	Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
55.	Thông tư	61/2009/TT-BNNPTNT, ngày 25/09/2009	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam
56.	Thông tư	72/2009/TT-BNNPTNT, ngày 17/11/2009	Ban hành Danh mục loài cây trồng biến đổi gen được phép khảo nghiệm đánh giá rủi ro đối với đa dạng sinh học và môi trường cho mục đích

			làm giống cây trồng ở Việt Nam.
57.	Thông tur	84/2009/TT- BNNPTNT, ngày 29/12/2009	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam”.
58.	Thông tur	11/2010/TT- BNNPTNT ngày 10/3/2010	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam”
59.	Thông tur	21/2010/TT- BNNPTNT ngày 5/4/2010	Về việc bổ sung loài cây trồng vào Danh mục loài cây trồng được bảo hộ
60.	Thông tur	22/2010/TT- BNNPTNT ngày 6/4/2010	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam”
61.	Thông tur	30/2010/TT- BNNPTNT ngày 11/05/2010	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam”
62.	Thông tur	32/2010/TT- BNNPTNT, ngày 17/06/2010	Quy định về chỉ định và quản lý hoạt động người lấy mẫu, người kiểm định, phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận chất lượng giống, sản phẩm cây trồng và phân bón
63.	Thông tur	34/2010/TT- BNNPTNT, ngày 23/6/2010	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam”
64.	Thông tur	49/2010/TT- BNNPTNT, ngày 24/08/2010	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng, phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam”
65.	Thông	50/2010/TT-	Sửa đổi bổ sung Thông tư 50/2009/TT-

	tư	BNNPTNT, ngày 30/08/2010	BNNPTNT Ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
66.	Thông tư	63/2010/TT- BNNPTNT, ngày 01/11/2010	Hướng dẫn việc quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
67.	Thông tư	65/2010/TT- BNNPTNT ngày 05/11/2010	Ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng, phân bón được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng và Danh mục thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam
68.	Thông tư	70/2010/TT- BNNPTNT ngày 08/12/2010	Ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng, phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam
69.	<u>Thông tư</u>	16/2011/TT- BNNPTNT, ngày 01/04/2011	Quy định về đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn
70.	<u>Thông tư</u>	17/2011/TT- BNNPTNT, ngày 06/04/2011	Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt theo NQ 57/NQ-CP ngày 15/12/2010
71.	<u>Thông tư</u>	30/2011/TT- BNNPTNT, ngày 20/04/2011	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam”
72.	<u>Thông tư</u>	41/2011/TT- BNNPTNT, ngày	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam”

		02/06/2011	
73.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	45/2011/TT- BNNPTNT, ngày 24/06/2011	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng giống cây trồng
74.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	48/2011/TT- BNNPTNT, ngày 05/07/2011	Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng
75.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	51/2011/TT- BNNPTNT, ngày 27/07/2011	Ban hành danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam
76.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	64/2011/TT- BNNPTNT, ngày 04/10/2011	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam”
77.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	67/2011/TT- BNNPTNT, ngày 17/10/2011	Ban hành quy chuẩn quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng
78.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	79/2011/TT- BNNPTNT, ngày 14/11/2011	Quy định về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật
79.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	87/2011/TT- BNNPTNT, ngày 27/12/2011	Sửa đổi, bổ sung Điều 20 Thông tư số 79/2011/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật
80.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	88/2011/TT- BNNPTNT, ngày	Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2006/NĐ-CP, ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi

		28/12/2011	tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
81.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	09/2012/TT- BNNPTNT, ngày 15/02/2012	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam
82.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	12/2012/TT- BNNPTNT, ngày 01/03/2012	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam”
83.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	17/2012/TT- BNNPTNT, ngày 18/04/2012	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam”
84.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	18/2012/TT- BNNPTNT, ngày 26/04/2012	Quy định về quản lý sản xuất kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm
85.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	21/2012/TT- BNNPTNT, ngày 05/06/2012	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam”
86.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	24/2012/TT- BNNPTNT, ngày 19/06/2012	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng
87.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	44/2012/TT- BNNPTNT, ngày 11/09/2012	Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam”
88.	<u>Thông</u>	48/2012/TT-	Quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản,

	<u>tư</u>	BNNPTNT, ngày 26/09/2012	trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt
89.	<u>Thông tư</u>	52/2012/TT-BNNPTNT, ngày 22/10/2012	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 16/2011/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2011 Quy định về đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm
90.	<u>Thông tư</u>	53/2012/TT-BNNPTNT, ngày 26/10/2012	Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/1/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
91.	<u>Thông tư</u>	55/2012/TT-BNNPTNT, ngày 31/10/2012	Quy định về thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và thủ tục công bố hợp quy, công bố phù hợp quy định đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
92.	<u>Thông tư</u>	59/2012/TT-BNNPTNT, ngày 09/11/2012	Quy định về quản lý, sản xuất rau, quả và chè an toàn
93.	<u>Thông tư</u>	06/2013/TT-BNNPTNT, ngày 22/01/2013	Ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam
94.	<u>Thông tư</u>	07/2013/TT-BNNPTNT, ngày 22/01/2013	Quy chuẩn kỹ thuật QG đối với rau, quả, chè búp tươi đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, sơ chế
95.	<u>Thông tư</u>	11/2013/TT-BNNPTNT, ngày	Ban hành Danh mục bổ sung loài cây trồng được bảo hộ

		06/02/2013	
96.	<u>Thông tư</u>	16/2013/TT- BNNPTNT, ngày 28/02/2013	Hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng
97.	<u>Thông tư</u>	21/2013/TT- BNNPTNT, ngày 17/04/2013	Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng và Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam
98.	<u>Thông tư</u>	33 /2013/TT- BNNPTNT, ngày 21/06/2013	Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Khảo nghiệm giống cây trồng.
99.	<u>Thông tư liên tịch</u>	42/2013/TTLT- BNNPTNT-BTC- BKHĐT, ngày 16/10/2013	Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
100.	<u>Thông tư</u>	47/2013/TT- BNNPTNT, ngày 8/11/2013	Hướng dẫn việc chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa
101.	<u>Thông tư</u>	49/2013/TT- BNNPTNT, ngày 19/11/2013	<u>Thông tư Hướng dẫn tiêu chí xác định vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm</u>
102.	<u>Thông tư</u>	05/2014/TT- BNNPTNT, ngày 10/2/2014	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia lĩnh vực trồng trọt
103.	<u>Thông tư</u>	29/2014/TT- BNNPTNT, ngày 5/9/2014	Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT về công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông

			ngiệp và Phát triển nông thôn
104.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	54/2014/TT- BNNPTNT, ngày 30/12/2014	Quy định về công nhận các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt khác cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
105.	<u>Quyết</u> <u>định</u>	58/2004/QĐ-BNN, ngày 4/11/2004	Ban hành danh mục giống cây trồng chính
106.	<u>Quyết</u> <u>định</u>	69/2004/QĐ-BNN, ngày 12/3/2004	Ban hành danh mục giống cây trồng quý hiếm cấm xuất khẩu
107.	<u>Quyết</u> <u>định</u>	74/2004/QĐ-BNN, ngày 16/12/2004	Ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh.
108.	<u>Quyết</u> <u>định</u>	79/2005/QĐ-BNN, ngày 5/12/2005	Ban hành quy định về trao đổi quốc tế nguồn gen cây trồng quý hiếm
109.	<u>Quyết</u> <u>định</u>	80/2005/QĐ-BNN, ngày 12/5/2005	Ban hành Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm cần bảo tồn.
110.	<u>Quyết</u> <u>định</u>	103/2006/QĐ-BNN, ngày 14/11/2006	Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh
111.	<u>Quyết</u> <u>định</u>	47/2007/QĐ-BNN, 29/05/2007	Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh.
112.	<u>Quyết</u> <u>định</u>	56/2007/QĐ-BNN ngày 12/06/2007	Về việc bổ sung 12 loài cây trồng vào danh mục loài cây trồng được bảo hộ và phân công đơn vị thực hiện khảo nghiệm DUS
113.	<u>Quyết</u> <u>định</u>	95/2007/QĐ-BNN, ngày 27/11/2007	Ban hành Quy định về công nhận giống cây trồng nông nghiệp mới.
114.	<u>Quyết</u> <u>định</u>	103/2007/QĐ-BNN, ngày 24/12/2007	Về việc bổ sung loài cây trồng vào danh mục loài cây trồng được bảo hộ và phân công đơn vị thực hiện khảo nghiệm
115.	<u>Quyết</u>	35/2008/QĐ-BNN,	Ban hành Quy định về quản lý sản xuất giống

	<u>định</u>	ngày 15/02/2008	cây trồng nông hộ.
116.	<u>Quyết định</u>	50/2008/QĐ-BNN, ngày 02/04/2008	Ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh.
117.	<u>Quyết định</u>	98/2008/QĐ-BNN, ngày 09/10/2008	Bổ sung loài cây trồng vào Danh mục loài cây trồng được bảo hộ và phân công đơn vị thực hiện khảo nghiệm DUS.
118.	<u>Quyết định</u>	104/2008/QĐ-BNN, ngày 21/10/2008	Ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh
119.	<u>Quyết định</u>	124/2008/QĐ-BNN, ngày 30/12/2008	Ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh.
120.	<u>Quyết định</u>	89/2005/QĐ-BNN	Ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp
121.	<u>Quyết định</u>	15/2005/QĐ-BNN	Danh mục giống cây lâm nghiệp phải áp dụng tiêu chuẩn ngành
122.	<u>Quyết định</u>	13/2005/QĐ-BNN	Danh mục giống cây lâm nghiệp chính
123.	<u>Quyết định</u>	16/2005/QĐ-BNN	Danh mục các loài cây chủ yếu cho trồng rừng sản xuất theo 9 vùng sinh thái lâm nghiệp
124.	<u>Quyết định</u>	62/2006/QĐ-BNN	Chiến lược giống cây lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020
125.	<u>Thông tư</u>	04/2015/TT-BNNPTNT, ngày 12/02/2015	Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp

			và thủy sản.
126.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	01/2015/TT- BNNPTNT, ngày 22/01/2015	Ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam
127.	<u>Thông</u> <u>tư</u>	28/2015/TT- BNNPTNT, ngày 14/8/2015	Ban hành Danh mục loài cây trồng được bảo hộ
128.	Thông tư	44/2015/TT- BNNPTNT ngày 23/11/2015	Ban hành Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính

Phụ lục 02

DANH MỤC QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA, TIÊU CHUẨN QUỐC GIA ĐÃ BAN HÀNH, CÔNG BỐ VÀ ĐANG XÂY DỰNG

STT	Tên QCVN/TCVN	Số hiệu	Loại QCVN/TCVN	Ghi chú
I	Quy chuẩn kỹ thuật			
1	QCVN về chất lượng hạt giống ngô thụ phấn tự do	QCVN 01-47: 2011/BNNPTNT	Chất lượng giống	
2	QCVN về chất lượng hạt giống lạc	QCVN 01-48: 2011/BNNPTNT	Chất lượng giống	
3	QCVN về chất lượng hạt giống đậu tương	QCVN 01-49: 2011/BNNPTNT	Chất lượng giống	
4	QCVN về chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng	QCVN 01-50: 2011/BNNPTNT	Chất lượng giống	
5	QCVN về chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng	QCVN 01-51: 2011/BNNPTNT	Chất lượng giống	
6	QCVN về chất lượng củ giống khoai tây	QCVN 01-52: 2011/BNNPTNT	Chất lượng giống	
7	QCVN về chất lượng hạt giống ngô lai	QCVN 01-53: 2011/BNNPTNT	Chất lượng giống	
8	QCVN về chất lượng hạt giống lúa	QCVN 01-54: 2011/BNNPTNT	Chất lượng giống	
9	QCVN về điều kiện bảo quản hạt giống lúa, ngô, rau	QCVN 01-158 : 2014/BNNPTNT	Chất lượng giống	
10	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cải	QCVN 01- 120:2013	Khảo nghiệm VCU	

	bắp	/BNNPTNT		
11	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống mía	QCVN 01-131:2013 /BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
12	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu	QCVN 01-147:2013 /BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
13	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lúa	QCVN 01-55: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
14	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống ngô	QCVN 01-56: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
15	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lạc	QCVN 01-57: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
16	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu tương	QCVN 01-58: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
17	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống khoai tây	QCVN 01-59: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
18	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống khoai lang	QCVN 01-60: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
19	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống sắn	QCVN 01-61: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
20	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đậu xanh	QCVN 01-62: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	

21	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống cà chua	QCVN 01-63: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
22	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống ớt	QCVN 01-64: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
23	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống bông	QCVN 01-84: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
24	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống thuốc lá	QCVN 01-85: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
25	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống dưa chuột	QCVN 01-87: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
26	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống su hào	QCVN 01-88: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
27	QCVN về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống dưa hấu	QCVN 01-91: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm VCU	
28	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống dưa hấu	QCVN 01- 121:2013 /BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
29	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống nho	QCVN 01- 122:2013 /BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
30	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định	QCVN 01- 123:2013	Khảo nghiệm DUS	

	của giống bông	/BNNPTNT		
31	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống chè	QCVN 01-124:2013 /BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
32	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống mía	QCVN 01-125:2013 /BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
33	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống nhãn	QCVN 01-128:2013 /BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
34	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống thanh long	QCVN 01-129:2013 /BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
35	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống lúa	QCVN 01-65: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
36	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống ngô	QCVN 01-66: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
37	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống lạc	QCVN 01-67: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
38	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống đậu tương	QCVN 01-68: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
39	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định	QCVN 01-69: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	

	của giống khoai tây			
40	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cà chua	QCVN 01-70: 2011/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
41	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa lily	QCVN 01-86: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
42	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa cúc	QCVN 01-89: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
43	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa đồng tiền	QCVN 01-90: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
44	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cải bắp	QCVN 01-92: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
45	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống dưa chuột	QCVN 01-93: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
46	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống su hào	QCVN 01-94: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
47	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa hồng	QCVN 01-95: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
48	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định	QCVN 01-96: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	

	của giống ớt			
49	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cà rốt	QCVN 01-97: 2012/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
50	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống mướp đắng	QCVN 01-153 : 2014/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
51	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống bí ngô	QCVN 01-154 : 2014/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
52	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống hoa cẩm chướng	QCVN 01-155 : 2014/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
53	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống rau dền	QCVN 01-156 : 2014/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
54	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống thu hải đường	QCVN 01-157 : 2014/BNNPTNT	Khảo nghiệm DUS	
55	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản xuất hạt giống ngô lai		Chất lượng giống	Đang xây dựng
56	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản xuất hạt giống lúa lai		Chất lượng giống	Đang xây dựng
57	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản xuất hạt giống cây tự thụ phấn		Chất lượng giống	Đang xây

				dựng
58	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống đậu đũa		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
59	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống đậu cô ve		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
60	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống trinh nữ hoàng cung		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
61	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống mướp khía		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
62	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống bí xanh		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
63	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống vải		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
64	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống rau tai voi		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
65	QCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống rau tai sóc		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
66	Khảo nghiệm DUS giống cam		Khảo nghiệm DUS	Đang xây

				dựng
67	Khảo nghiệm DUS giống quýt		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
68	Khảo nghiệm DUS giống bầu		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
69	Khảo nghiệm DUS giống cải thảo		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
70	Khảo nghiệm DUS giống cần tây		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
71	Khảo nghiệm DUS giống dưa		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
72	Khảo nghiệm DUS giống đậu bắp		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
73	Khảo nghiệm DUS giống lê		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
74	Khảo nghiệm DUS giống súp lơ		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
75	Khảo nghiệm DUS giống cà		Khảo nghiệm DUS	Đang xây

				dụng
76	Khảo nghiệm DUS giống sắn		Khảo nghiệm DUS	Đang xây dựng
II	Tiêu chuẩn kỹ thuật			
1	Hạt giống đậu xanh - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8659:2011	Chất lượng giống	
2	Hạt giống cải củ-Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8811:2011	Chất lượng giống	
3	Hạt giống cải bắp-Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8812:2011	Chất lượng giống	
4	Hạt giống su hào-Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8813:2011	Chất lượng giống	
5	Hạt giống dưa chuột lai-Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8814:2011	Chất lượng giống	
6	Hạt giống dưa hấu lai- Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8815:2011	Chất lượng giống	
7	Chòi giống dưa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 9062:2013	Chất lượng giống	
8	Cây giống bơ - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 9301:2013	Chất lượng giống	
9	Cây giống cam, quýt, bưởi - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 9302:2013	Chất lượng giống	
10	Hạt giống bông - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 9303:2013	Chất lượng giống	
11	Hạt giống đậu các loại - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 9304:2012	Chất lượng giống	

12	Lá dâu – Phương pháp kiểm tra chất lượng	TCVN 9484:2013	Chất lượng giống	
13	Giống dâu – Phương pháp thu thập, đánh giá, mô tả và lưu giữ	TCVN 9485:2013	Chất lượng giống	
14	Hạt giống bầu bí - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 9809:2013	Chất lượng giống	
15	Hạt giống cây họ cà - yêu cầu kỹ thuật	TCVN 9962:2013	Chất lượng giống	
16	Ca cao - Tiêu chuẩn cây giống	TCVN 10684:2015	Chất lượng giống	
17	Hạt giống thuốc lá - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 10848:2015	Chất lượng giống	
18	Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống	TCVN 8547:2011	PP kiểm định	
19	Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm	TCVN 8548:2011	PP kiểm nghiệm	
20	Củ giống khoai tây - Phương pháp kiểm nghiệm	TCVN 8549:2011	PP kiểm nghiệm	
21	Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống	TCVN 8550:2011	PP kiểm định	
22	Cây chuối tiêu - Cây giống nhân bằng nuôi cấy mô		Chất lượng giống	Đang xây dựng
23	Vườn ươm cây ăn quả		Chất lượng giống	Đang xây dựng

24	Cây giống xoài, sầu riêng, nhãn, vải, măng cụt, hồng ăn quả - Yêu cầu kỹ thuật		Chất lượng giống	Đang xây dựng
25	Nhãn, vải, cây có múi, xoài, sầu riêng và măng cụt - Tiêu chuẩn cây đầu dòng		Chất lượng giống	Đang xây dựng
26	Nhà lưới trồng hoa		Chất lượng giống	Đang xây dựng
27	Cây công nghiệp lâu năm - Tiêu chuẩn cây giống, Phần II- Cây giống dừa		Chất lượng giống	Đang xây dựng
28	Hạt giống vừng - Yêu cầu kỹ thuật		Chất lượng giống	Đang xây dựng
29	Hạt giống rau muống - Yêu cầu kỹ thuật		Chất lượng giống	Đang xây dựng
30	Cây công nghiệp lâu năm - Tiêu chuẩn cây giống, Phần I - Cà phê, cao su, chè		Chất lượng giống	Đang xây dựng
31	Hạt giống cà phê - Yêu cầu kỹ thuật		Chất lượng giống	Đang xây dựng
32	Cây công nghiệp - Tiêu chuẩn cây đầu dòng		Chất lượng giống	Đang xây dựng

33	Hom mía giống - Yêu cầu kỹ thuật		Chất lượng giống	Đang xây dựng
34	Cây tiêu giống		Chất lượng giống	Đang xây dựng
35	Cây điều giống		Chất lượng giống	Đang xây dựng
36	Cây giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm - Phương pháp kiểm định		PP kiểm định	Đang xây dựng
37	Thử nghiệm sức sống của hạt giống bằng phép thử Tetrazolium		PP kiểm nghiệm	Đang xây dựng